

KINH TỌA THIÊN TAM MUỘI

Hán Dịch: Tam tạng Cưu Ma La Thập Đời Diêu Tần

Việt Dịch: TK.Thích Nguyên Xuân

(Chùa Thiên Phú - Nha Trang.)

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 11 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

Quyển Thượng
Quyển Hạ

---o0o---

Quyển Thượng

Khó gặp đạo sư dạy

Nghe rồi vui càng khó

Điều Bồ tát thích nghe

Phàm phu nghe lại chán.

Chúng sanh thật đáng thương

Rơi đường hiểm già chết

Nô lệ cho ái ân

Chồn sợ, ngu không sợ.

Thế giới lớn hoặc nhỏ
Không có pháp thường còn
Tất cả không bền chắc
Tạm hiện như điện chớp.
Thân này thuộc già chết
Chỗ các bệnh quy tụ
Da mỏng che bất tịnh
Ngu muội bị nó lừa
Người thường bị giặc già
Nuốt mất tuổi thanh xuân
Nhu tràng hoa khô héo
Úa tàn, hết xinh tươi
Công đức vua Đảnh Sanh
Ngồi chung tòa Đế Thích
Phước báo thật rộng lớn
Ngày nay có còn đâu?
Vua ấy trong trời, người
Đủ năm dục hơn hết
Khi chết rất khổ đau
Do đó nên tỉnh ngộ.

Các dục ban đầu vui
Về sau thành khổ lớn
Như (kẻ) oán, lúc đầu thân
Sau gây họa diệt tộc.
Thân là vật không sạch
Chín lỗ thường rỉ nơ
Cũng như mọt Na-lợi
Không có thuốc trị lành.
Xương như xe quá yếu
Thức chuyển, gân mạch buộc
Người cho là xe tốt
Yêu chuộng không xấu hổ
Nơi chất chứa thây chết
Vật bỏ đầy gò nổi
Khi sống thì cung chiều
Chết rồi liền vứt bỏ.
Phải thường nghĩ như vậy
Một lòng quán, chớ loạn
Phá si, đuổi tối tăm
Cầm đuốc tuệ sáng soi

Nếu lia bốn niệ̣m chỉ
Ác nào tâm chẳng làm
Nhu voi không mợ́c sắt
Nên chẳng chịu chậ́n dậ́t
Ngày nay làm việc này
Ngày mai làm việc nọ
Ham vui không thấy khổ
Bất chợt thần chết đến
Hối hả làm việc mình
Việc người cũng không xong
Thần chết chẳng chờ đợi
Khi đến không phương thoát.
Nhu nai vì khát nước
Nên tìm đến dòng suối
Thợ săn không lòng thương
Giết chết khi đang uống.
Người si cũng như vậy
Chăm lo làm các việc
Chết đến không hẹn trước
Ai sẽ giúp được người?

Lòng người mong giàu sang

Năm dục lòng chưa thỏa

Các vị vua nước lớn

Đâu thoát khỏi họa này.

Tiên hơn giỏi chú thuật

Nào thoát khỏi tử sanh

Voi vô thường dẫm đạp

Kiến, đĩa nát với đất

Đâu có chừa một ai.

Chư Phật chánh chơn giác

Vượt ngoài dòng sanh tử

Lại cũng chẳng thường còn.

Vì vậy nên phải biết

Những điều ông yêu thích

Phải nên sớm lìa bỏ

Một lòng cầu Niết-bàn

Sau khi bỏ thân này

Ai chứng biết được ta?

Lại được gặp pháp bảo

Và người chẳng gặp pháp

Lâu sau Phật xuất hiện
Phá trừ hết tối tăm
Phóng ra các ánh sáng
Dạy như đạo, phi đạo
Ta từ chôn nào đến?
Rồi sẽ sanh về đâu?
Nơi đâu được giải thoát?
Nghĩ này ai rõ biết?
Phật, đấng Nhất thiết trí
Lâu lắm mới ra đời
Nhất tâm không phóng dật
Phá nghi kiết của người
Ngài không thích lợi lộc
Và đắm tâm tệ ác
Người hãy vì chúng sanh
Mà cầu pháp chân thật.
Ai biết được khi chết
Sẽ sanh cảnh giới nào?
Như đèn treo trước gió
Đâu biết lúc nào tắt.

Đến đạo pháp không khó
Đại thánh đã chỉ dạy
Giảng trí và Trí xứ
Hai pháp không nương ngoài.
Nếu người không phóng dật
Một lòng thường hành đạo
Không lâu được Niết-bàn
Vui niềm vui bậc nhất
Bậc trí gần người thiện
Hết lòng kính Phật pháp
Nhàm chán thân như nhớp
Lìa khổ, được giải thoát.
Tịnh tu nơi vắng vẻ
Ngồi kiết già trong rừng
Kiểm tâm không phóng dật
Tỉnh thức biết các duyên
Nếu chẳng chán các hữu
Ngủ mê không tự tỉnh
Không nghĩ đời vô thường
Đáng sợ mà không sợ.

Phiền não sâu không đáy
Biển sanh tử không bờ
Thuyền vượt khổ chưa đóng
Sao an nhiên ngủ nghỉ?
Do đó phải giác ngộ
Chớ để ngủ che tâm
Đối bốn việc dăng cúng
Biết lượng, biết vừa đủ.
Nỗi sợ lớn chưa khỏi
Phải chuyên cần tinh tấn
Các khổ khi ập đến
Hối hận không thể kịp.
Mặc y ngồi dưới cây
Nhu pháp mà thọ thực
Chớ vì tham vị ngon
Mà dẫn đến tự hoại.
Ăn rồi biết mùi vị
Ngon dở đồng như nhau
Ưa ngon sanh buồn khổ
Vậy chớ sanh ưa thích.

Sinh hoạt trong thế giới

Ngon dở đều nếm hết

Thọ hưởng đủ mọi thứ

Nên phải tự chế phục

Nếu sanh vào súc sanh

Nhai cỏ đủ mùi vị

Địa ngục nuốt hòn sắt

Sắt đốt nóng hừng hực

Trong loài quỷ Bệ Lê

Máu mủ, phân tiểu sôi

Dải đằm, các bất tịnh

Lấy đó làm thượng vị

Hoặc ở trên cõi trời

Xem cung điện bảy báu

Ăn toàn vị tô-đà

Thiên nữ làm vui lòng

Trong loài người giàu sang

Các món ngon đủ vị

Đều đã từng trải qua

Sao nay lại ưa thích?

Qua lại trong thế giới

Chán ngán việc khổ vui

Tuy chưa đắc Niết-bàn

Nhưng phải cầu lợi ấy.

Người học thiền mới đến chỗ thầy, thầy nên hỏi:

“Người trì giới thanh tịnh chẳng? Không phạm trọng tội tà ác chẳng?”.

Nếu đáp:

“Giới luật của năm chúng giữ trong sạch, không phạm trọng tội tà ác”, thì sau đó mới dạy đạo pháp.

Nếu đáp: “Phá giới”, thì thầy nên hỏi lại:

“Người phá giới nào?”

Nếu đáp: “Trọng giới”, thì thầy dạy:

“Như người bị cắt tai, mũi, không cần phải soi gương, người hãy về đi, siêng năng tụng kinh và làm điều phước thiện, có thể gieo nhân duyên đạo pháp cho đời sau, đời này xem như đã bỏ. Giống như cây khô, dù tưới nước chăm sóc cũng không sanh hoa lá và quả được”.

Nếu phá các giới khác thì khi ấy thầy nên dạy như pháp sám hối. Nếu sám hối đã thanh tịnh, như thầy đắc được thiên nhãn hoặc tha tâm trí thì theo bệnh của họ mà thuyết pháp, đưa đến chí đạo. Bằng như chưa thông đạt thì nên xem tướng hoặc hỏi người ấy:

“Trong ba độc, người nặng về thứ nào? Dâm dục nhiều chẳng? Sân hận nhiều chẳng? Ngu si nhiều chẳng?”.

Thế nào gọi là xem tướng?

- Tướng người nhiều dâm dục là người mau lẹ, nhiều thê thiếp, nói nhiều và có lòng tin nhiều, nhan sắc vui vẻ, lời nói hòa nhã, dễ hiểu; ít sân hận, cũng ít buồn phiền, có nhiều khả năng kỹ thuật, thích học hỏi, nhiều hiểu biết, ưa thích văn chương, rất khéo biện luận, hay quán xét lòng người, có nhiều lo sợ, ở trong phòng riêng thích mặc áo mỏng, thèm muốn nữ sắc, tham đắm đồ nằm, ưa trang điểm hương hoa; tâm rất nhu hòa, có lòng thương người, nói lời tốt đẹp, thích làm việc phước thiện, ý ưa muốn sanh lên cõi trời, ở trong chúng không có các nạn; phân biệt người xấu đẹp, ưa tín nhiệm phụ nữ, lừa dục nung nấu, lòng nhiều thay đổi, hôi hận, ưa tự trang sức, thích xem tranh vẽ nhiều màu. Đối vật của mình thì tham tiếc, lại mong cầu tài vật của người, ưa kết bạn thân, không thích ở một mình, đắm trước chỗ ở, chạy theo dòng thế tục, vừa kinh vừa sợ, chí như khí vượn, hiểu biết cạn cợt, làm việc lại không suy nghĩ, ý chí yếu kém, hành động theo sở thích, dờ khóc dờ cười. Thân thể mềm yếu, không kham khổ lạnh nóng; dễ mừng, dễ lo, gặp việc không thể đè nén, được ít vui nhiều, mất ít sâu lớn, tự bày ra rồi tự che dấu. Thân thể ấm, mồ hôi hôi, da mỏng, tóc mềm, mặt nhiều vết nhăn, nhiều điểm trắng, cắt móng tay, cao râu, chà răng trắng. Đi ra ngoài thích mặc đồ thật sạch. Học hành không chuyên cần, thích dạo vườn rừng, nhiều tình cảm, nhiều mong cầu, chấp thường kiến. Hay gằn gỏi các bậc có đức, vồn vã thăm hỏi, ưa theo lời người, giọng vui, chịu nhục, nghe việc nhanh hiểu, sự việc đã làm phân biệt rõ tốt xấu. Thương người nghèo khổ, tự đại, háo thắng, chẳng chịu người lấn hiếp. Thích làm việc bố thí, tiếp dẫn người hiền, được đồ ăn uống ngon không ăn một mình, không để ý việc nhỏ nhặt, chí để ở việc to tát. Mắt đắm sắc dục, sự nghiệp không thành, không lo xa. Biết được phong tục tốt đẹp ở đời, quan sát nhan sắc, dò biết mặt trái lòng người, nói lời hoa mỹ, kết bạn không bền. Tóc thưa, ít ngủ nghỉ, đi đứng nằm ngồi bộ tịch đàng hoàng. Có tài vật liền đem cứu trợ, sau lại hối tiếc. Ưa thích điều nghĩa, gấp làm cho được nhưng lại mau quên, bám chấp hành động, khó tự sửa đổi, khó lià được dục, gây tội nhỏ nhặt....

Các loại tướng trạng như thế là tướng dâm dục.

Tướng người sân hận: người nhiều ưu sầu, hung bạo, ôm lòng phần hận, thân miệng thô xẵng, nhẫn chịu các khổ, gặp việc không nhịn được, nhiều sầu, ít vui. Có thể làm việc đại ác, không có lòng thương người, ưa tranh cãi, nhan sắc tiêu tụy, mắt trợn mày nhăn, khó nói, khó vui, khó làm việc, khó thành công. Minh như ghẻ lở, lại ưa nói lỗi của người; lý luận cứng cõi, không thể bẻ dẹp, khó làm lay chuyển, khó thân thiện, khó cản ngăn, ôm lòng độc khó vứt bỏ, bị trách không quên. Nhiều khả năng khéo léo, siêng năng, làm việc nhanh chóng, ôm kỳ vọng không nói, ý sâu khó biết. Thọ ân

liền đáp ân. Lại có khả năng thuyết phục được nhiều người tuân theo, không thể phá hoại. Việc làm thường được trọn vẹn, người khác khó can thiệp, không ngại khó khăn. Giống như sư tử, rất khó khuất phục. Khi đã quyết định, theo kế hoạch hành động, không bao giờ nghĩ lại, nhớ nghĩ khó quên. Nhiều lo nghĩ tư duy, ôn tập nhớ kỹ. Hay bố thí, chẳng màng lợi nhỏ, làm thầy rất khôn ngoan. Lìa dục, ở một mình, ít sự dâm dục, thường nghĩ đến sự thành công. Chấp trước đoạn kiến. Mắt không ưa liếc ngó, lời nói ngay thẳng, biện minh sự việc rõ ràng, ít có bạn thân. Làm việc hay chấp chặt, nhớ dai không quên. Có nhiều sức mạnh, vai ngực nở đẹp, trán rộng tóc bằng. Tâm cứng rắn, khó điều phục. Mau được mà khó quên. Có thể tự lìa dục, hay gây tội nặng...

Các loại tướng như vậy là tướng sân hận.

Tướng người ngu si: Người nhiều nghi ngờ, nhiều hối hận, lười biếng, không nhận thức, tự mãn, khó khuất phục, kiêu mạn, khó dạy bảo. Việc đáng tin chẳng tin, việc không đáng tin lại tin. Không biết chỗ đáng tôn kính, nơi nào cũng tin theo, có nhiều thầy. Đường đột, thô tháo, không biết xấu hổ, hành động không suy nghĩ, thường trái với lời dạy. Chẳng biết chọn bạn, không biết tự trang sức. Ưa thích thầy hay đạo lạ, chẳng phân biệt được tốt xấu. Khó ghi nhớ, dễ quên, căn tánh tối tăm, biếng nhác, chê bai người bố thí, không có lòng thương xót. Phá hoại chiếc cầu chánh pháp, gặp việc mờ mịt không biết. Lúc giận tối mắt, không có trí tuệ, nhiều mong cầu hy vọng, đa nghi, ít lòng tin, ganh ghét người tốt. Cho rằng: không có quả báo tội phước, chẳng phân biệt được lời thiện, không biết điều lỗi, chẳng nghe lời khuyên bảo. Xa lìa người thân, oán ghét họ, không biết lễ phép, ưa nói lời ác. Móng tay, râu tóc để dài, răng áo như nhóp, bị người sai khiến. Chỗ đáng sợ lại không sợ, việc vui thì lo buồn, việc lo buồn lại vui, chỗ ưu buồn lại cười cợt, chỗ vui vẻ lại ưu buồn. Đợi kéo mới chịu đi, hay nhẫn các khổ, không phân biệt mùi vị, khó lìa dục, gây tội sâu nặng...

Các loại tướng như vậy là tướng người ngu si. Nếu người nhiều dâm dục, dùng pháp quán bất tịnh để chữa trị.

Người nhiều sân hận, lấy pháp quán Từ Bi để chữa trị.

Người nhiều ngu si, tư duy pháp quán nhân duyên để chữa trị.

Nếu người nhiều lo nghĩ, tu pháp quán hơi thở để chữa trị.

Nếu người tham, sân, si đồng nhau, dùng pháp môn niệm Phật để chữa trị.

Như vậy, có bao nhiêu thứ bệnh thì có bấy nhiêu pháp để chữa trị.

I. PHÁP MÔN TRỊ THAM DỤC:

Người nhiều dâm dục nên tu tập pháp quán bất tịnh, từ chân đến tóc toàn vật không sạch: lông, tóc, móng, răng, da mỏng, da dày, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, gan, phổi, tim, thận, lá lách, dạ dày, ruột già, ruột non, phân, nước tiểu, nước mũi, nước miếng, mồ hôi, nước mắt, cực ráy, đất, óc, bọng đái, mật, đàm, bầy nhày, mỡ, mỡ sa, màng óc...

Như vậy, trong thân toàn vật không sạch.

Lại quán bất tịnh theo thứ lớp: quán thân chết máu ứ bầm xanh, sinh trướng, thối rửa vỡ ra, máu mủ chảy ràn rụa, hôi thối, trùng thú ăn còn xương, phân tán, thiêu rụi.

Đó là pháp quán bất tịnh.

Người nhiều dâm dục, yêu mến bảy thứ:

1- Yêu sắc đẹp.

2- Yêu dáng điệu đoan chánh.

3- Yêu dung mạo.

4- Yêu thích âm thanh.

5- Yêu mềm mại, trơn láng.

6- Yêu con người (chúng sanh)

7- Yêu thích tất cả.

- Yêu sắc đẹp nên tu tập pháp quán thân chết bầm xanh, những màu sắc vàng đỏ bất tịnh cũng như vậy.

- Nếu yêu dáng điệu đoan chánh nên tu tập pháp quán thân chết sinh trượng, nứt rã.
- Nếu yêu mến dung mạo nên quán thân mới chết, máu chảy ràn rụa, xương cốt rục rã.
- Nếu yêu thích âm thanh, nên tập pháp quán khi người sắp chết cổ họng bị nghẹt.
- Nếu yêu thích trơn láng nên quán bộ xương và người bệnh khô gầy.
- Nếu yêu thân người nên tập quán sáu thứ bất tịnh (trong chín thứ bất tịnh).
- Nếu yêu tất cả nên tu tập toàn bộ pháp quán bất tịnh, hoặc lúc thì quán các thứ này, khi lại quán các thứ khác, đều là pháp quán bất tịnh.

Hỏi: Nếu thân bất tịnh như thân chết thối rữa, do đâu sanh lòng yêu mến? Nếu cho thân là trong sạch thì thân dù thối lầy cũng vẫn yêu. Bằng như không yêu thân thối rữa thì thân thanh tịnh cũng không yêu.

Đáp: Vì hai thân là một vậy. Nếu cầu hai thân thật thanh tịnh đều không thể có. Tâm người mê lầm vì điên đảo che phủ, nên thân bất tịnh cho là thanh tịnh. Nếu phá dẹp tâm điên đảo liền được pháp quán thật tướng. Khi ấy, biết thân là bất tịnh, hư dối không thật.

Lại nữa, thân chết không còn hơi ấm; mạng sống, thần thức và các căn đã bế tắt. Người nhận biết kỹ thì tâm không còn mến tiếc. Thân có hơi ấm, mạng sống, thần thức và các căn đầy đủ nên tâm điên đảo mê lầm, sanh say đắm.

Lại nữa, khi tâm yêu đắm sắc thân, cho đó là sạch. Tâm yêu dứt thì liền biết thân là không sạch.

Nếu thân thật sạch thì phải thường sạch, nhưng đây chẳng phải như thế. Như chó ăn phân, cho là sạch; người thấy, cho đó là rất dơ. Trong và ngoài thân, không một chỗ nào sạch, bằng như chấp đắm bề ngoài thân thì chẳng qua nó chỉ là một lớp da mỏng bao bọc. Năm da cắt một miếng bằng miếng xoài thì bao thứ dơ nhớp hiện bày, huống nữa bên trong thân chứa ba mươi sáu thứ như uế!

Suy cho cùng, thân là tập hợp bao thứ bất tịnh. Thân do tinh cha huyết mẹ hợp thành, lại thường chảy ra đồ bất tịnh; y phục, giường nệm cũng dơ ứ, hôi thối, huồng là chỗ chứa thầy chết. Vì thế nên biết, thân người dù sống hay chết, bên trong và ngoài đều là bất tịnh.

Người tu tịnh quán có ba bậc: mới tập, đã tập, đã tập lâu.

Người mới tập nên dạy: tưởng lột hết da, bỏ hết những thứ bất tịnh, chỉ còn bộ xương màu đỏ, tập trung vào quán tưởng, không cho khởi nghĩ gì khác. Có nghĩ khác, liền nhiếp niệm kéo về.

Nếu người đã tập nên dạy: tưởng lột hết da thịt, quán bộ xương đầu, không nghĩ gì khác. Có nghĩ gì khác, liền nhiếp niệm kéo về.

Nếu người đã tập lâu nên dạy: tưởng lột hết da thịt, buộc ý vào một trong năm chỗ: đỉnh đầu, trán, giữa chặn mày, chót mũi, quả tim. Buộc ý vào năm chỗ ấy, quán xương, không nghĩ gì khác. Nghĩ khác, liền nhiếp trở về. Thường quán xét tâm, nó chạy đi liền kéo trở lại. Nếu tâm mệt mỏi thì tự xả duyên ngoài, trụ ở sở duyên.

Thí như con khỉ bị cột ở trụ cây, vọt nhảy mệt rồi nằm yên bên trụ. Sở duyên như trụ cây, niệm như dây buộc, tâm dụ như con khỉ. Lại giống như người mẹ chăm giữ con còn bú, không để nó rơi té. Hành giả quán sát tâm cũng như vậy, dần dần chế phục được tâm, bắt nó trụ một chỗ. Nếu tâm trụ được lâu, đó là hợp pháp thiền, bằng như đắc thiền định thì hiện ba tướng:

- Một là thân thể nhẹ nhàng, mềm dịu, vui vẻ, xương trắng phát ra ánh sáng trắng như ngọc kha, tâm được dừng lặng. Đó là tịnh quán. Khi ấy được tâm trong sắc giới.

Đó là người mới học pháp thiền, được tâm sắc giới.

Tâm hợp với pháp thiền tức là pháp sắc giới.

Tâm được pháp này, thân tuy ở dục giới nhưng tứ đại rất điều hòa, an lạc, hình sắc trong sạch, mềm dịu, tươi nhuận. Đó là tướng vui vẻ.

- Hai là hành giả nội quán tướng xương trắng phát ra ánh sáng màu trắng trong sạch, chiếu tỏa khắp.

- Ba là tâm trụ một chỗ, gọi là tịnh quán. Bỏ thịt quán xương nên gọi là tịnh quán.

Ba tướng trên đều tự biết, người khác chẳng thấy biết.

Ba bậc tu tập ở trên là:

1- Bậc mới tu tập, trước chưa phát tâm.

2- Bậc đã tu hành ba bốn năm.

3- Bậc tu tập lâu khoảng một trăm năm.

II. PHÁP MÔN TRỊ SÂN HẬN:

Nếu người nhiều sân hận nên học pháp môn ba thứ từ tâm:

- Nếu người mới tu tập, nên dạy: hướng tâm từ đến người thân thương mến.

Thế nào là hướng tâm từ đến người thân và nguyện cho họ được vui? - Hành giả nếu được các thứ thân tâm vui thích, như khi lạnh được mặc ấm, khi nóng được mát mẻ, đói khát được ăn uống, nghèo cùng được giàu sang, làm mệt được nghỉ ngơi.... Những thứ vui như vậy đều nguyện cho người thân mến được hưởng. An trú vào tâm Từ một cách chuyên nhất, nếu nghĩ các duyên khác liền thu nhiếp trở về.

- Nếu người đã tu tập thì nên dạy: hướng tâm từ đến người không thân sơ.

Thế nào là hướng tâm từ đến người không thân sơ, nguyện cho họ được vui? - Hành giả nếu được các thứ thân tâm vui thích thì nguyện cho người thân và người không thân cùng chung hưởng. An trú vào tâm từ một cách chuyên nhất, nếu nghĩ các duyên khác liền thu nhiếp trở về.

- Nếu là người tu tập đã lâu thì nên dạy: hướng tâm từ đến người thù ghét.

Thế nào là hướng tâm từ đến người thù ghét, nguyện cho họ được vui? - Hành giả nếu được các thứ thân tâm vui thích thì nguyện cho người mà mình thù ghét được chung hưởng, sự hưởng này đồng với người thân của mình,

cùng được như nhau. Tâm ấy rộng lớn thanh tịnh. Xem người thân kẻ oán đều bình đẳng, làm cho tất cả chúng sanh trong vô lượng thế giới đều được an vui, khắp cả mười phương cùng một tâm bình đẳng, rộng lớn, thanh tịnh. Xem chúng sanh trong cả mười phương như thân mình, thấy họ rõ ràng trước mắt, cùng thọ hưởng khoái lạc. Khi ấy, liền đắc Từ tâm Tam muội.

Hỏi rằng: Người thương mến nguyện cho họ được vui, còn người thù ghét, hung ác tại sao thương xót, lại nguyện cho họ được vui?

Đáp:

- Nên ban vui cho họ. Vì sao? - Người ấy còn nhiều đức tánh tốt, là nhân của pháp thanh tịnh. Tại sao nay ta vì cái thù nhỏ mà quên bao đức tánh tốt của họ?

Lại suy nghĩ: “Người ấy ở trong đời quá khứ biết đâu là người thân của ta, nay đâu vì chút sân hận mà sanh thù ghét họ? Ta phải nhịn họ, đó là việc thiện lợi của ta”.

Lại tự nghĩ: “Ta thực hành các việc nhân đức gồm hoằng truyền sức từ bi vô lượng, không để diệt mất”.

Kế đến lại nghĩ: “Nếu không có người oán hận thì không do đâu mà sanh lòng nhẫn. Sanh nhẫn là do kẻ oán, nên kẻ oán là thân thuộc của ta. Hơn nữa, quả báo của sân hận là tối trọng, trong các điều ác, nó là hơn hết. Do sân mới hại người, độc sân rất khó kèm chế. Tuy muốn đốt người, kỳ thật lại tự thiêu mình”. Nên tự suy nghĩ: “Ngoài mặc áo pháp, bên trong thực hành hạnh nhẫn, gọi là Sa môn thì đâu vì lời nói xấu liền đổi sắc mặt, rồi buông lung theo tâm tệ ác”.

Lại nghĩ: “Thân năm ấm này là rừng khô, là nơi chịu những điều tai ác, nên khi khổ não tai ác đến thì đâu thể tránh được? Như gai nhọn đâm vào thân, khổ đau vô cùng. Các thứ thù oán rất nhiều, không thể diệt hết, phải tự bảo vệ bằng cách mang giày nhẫn nhục”.

Đức Thế tôn dạy:

- Người lấy sân trả sân

Sân trở lại hại mình

Kẻ sân, mình không trả
Hay phá vỡ đại quân
Có thể không sân hận
Là pháp bậc đại nhân
Kẻ tiểu nhân sân hận
Như núi khó lay động
Sân là thứ độc dữ
Sức tàn hại rất mạnh
Không làm hại được người
Trở lại tự hại mình
Sân là bóng tối lớn
Có mắt mà không thấy
Sân hận là bụi nơ
Làm nhiễm tâm trong sạch
Như vậy tâm sân hận
Nên cấp tốc trừ bỏ
Rắn độc ở trong nhà
Không diệt ắt hại người
Tâm sân hận như thế
Nhiều không thể nói hết

Thường tập tâm từ bi

Dập tắt lửa sân hận.

Đó là pháp môn từ bi tam muội.

III. PHÁP MÔN TRỊ NGU SI:

Nếu người nhiều ngu si nên học pháp môn ba thứ tư duy: người mới tập, người đang tập, người tập đã lâu.

- Nếu người mới tập thì nên dạy:

“Sanh duyên lão tử, vô minh duyên hành”. Suy nghĩ như vậy, không nghĩ việc khác, nếu có nghĩ khác liền thu nhiếp trở về.

- Nếu người đang tu tập, nên dạy:

“Hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu”. Suy nghĩ như vậy, không nghĩ gì khác, nghĩ các việc khác liền thu nhiếp trở về.

- Nếu người đã tập lâu thì nên dạy: “Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử”. Suy nghĩ như vậy, không cho nghĩ gì khác. Nghĩ các việc khác liền thu nhiếp trở về.

Tất cả người trí là minh. Tất cả người ngu là vô minh. Trong đó thế nào là vô minh? - Vô minh là không biết tất cả. Vô minh ở đây là hay tạo có đời sau, việc có cho là không, việc không cho là có, bỏ các pháp thiện, làm theo pháp ác. Phá tướng chân thật, chấp các thứ giả dối. Như trong phẩm Vô minh tướng nói:

Không rõ pháp lợi ích

Không biết hành đạo đức

Nên gây nhân kiết sử
Lừa do cọ xát có
Pháp ác mà tâm thích
Rời xa mọi pháp lành
Giặc cướp trí chúng sanh
Suốt quá khứ vị lai
Tưởng thường, lạc, ngã, tịnh
Chấp đắm thân năm ấm
Pháp khổ - tập - tận - đạo
Lại cũng không thể biết
Đường hiểm nhiều khổ não
Người mù đi vào trong
Vì phiền não nghiệp nhóm
Vì nghiệp khổ xoay vần
Không nên lấy, lại lấy
Nên lấy, lại vứt đi
Theo tôi vào đường hiểm
Dẫm phải góc té nhào
Có mắt mà chẳng thấy
Dụ đó cũng như vậy

Vì nhân duyên đã diệt

Trí sáng như mặt trời.

Như thế lược nói vô minh cho đến lão tử cũng lại như vậy.

Hỏi:

“Lý nhân duyên trong Phật pháp sâu xa thì làm sao người nhiều ngu si có thể quán nhân duyên?”.

Đáp:

“Người ngu si có hai hạng:

- Hạng như trâu dê.

- Hạng thứ hai đủ các loại tà kiến, là hạng người ngu si mê lầm, ám tế, tà kiến”.

Đức Phật vì hạng người này nên dạy pháp quán nhân duyên thực tập chánh định.

IV. PHÁP MÔN TRỊ LO NGHĨ:

Nếu người nhiều lo nghĩ phải tu tập pháp môn A-na-ban-na tam muội.

Có ba hạng người học: người mới thực tập, người đã thực tập, người thực tập đã lâu.

Nếu người mới thực tập thì nên dạy: nhất tâm đếm hơi thở ra vào, hoặc dài hoặc ngắn, đếm từ một đến mười.

Nếu người đã thực tập thì nên dạy: đếm số hơi thở từ một đến mười theo hơi thở ra vào, niệm cùng hơi thở, dừng tâm một chỗ.

Nếu người đã thực tập lâu nên dạy: số, tùy, chỉ, quán, chuyển quán, thanh tịnh.

A-na-ban-na tam muội có sáu môn, chia thành mười sáu phần.

Thế nào là nhất tâm đếm hơi thở vào?

- Hơi thở vào đến cùng, đếm một. Hơi thở ra đến cùng, đếm hai. Nếu thở chưa hết hơi mà đếm là sai. Nếu đếm từ hai đến chín mà lẫn lộn thì phải đếm lại từ đầu là một. Ví như nhà toán học tính một cộng một là hai, hai cộng hai là bốn, ba lần ba là chín.... không sai một mảy.

Hỏi:

- Tại sao phải đếm?

Đáp:

- Vì dễ đắc pháp quán vô thường, cũng dứt các suy nghĩ nên được nhất tâm. Thân tâm sanh diệt vô thường, tương tự liên tục khó thấy, nhờ hơi thở vào ra mà sanh diệt vô thường dễ biết, dễ thấy. Lại nữa, tâm buộc tại số đếm, dứt các suy tư, đó là: suy tư về dục, suy tư về nóng giận, suy tư về buồn phiền, suy tư về thân quyến, xóm làng, suy tư về cõi nước, suy tư về bất tử.

Người muốn cầu tịnh tâm để vào chánh đạo, trước hết phải trừ bỏ ba thứ suy tư thô, sau trừ ba thứ suy tư tế. Trừ hết sáu thứ suy tư này sẽ được tất cả pháp thanh tịnh. Ví như người đãi vàng, trước lựa bỏ sỏi lớn, sau mới lần lượt loại bỏ sạn, cát nhỏ rồi mới được vàng.

Hỏi:

- Thế nào là bệnh thô? Thế nào là bệnh tế?

Đáp:

- Suy tư tham dục, nóng giận, não hại là ba thứ bệnh thô.

- Suy tư về thân thuộc, cõi nước, bất tử là ba thứ bệnh tế.

Trừ hết những thứ suy tư này thì sẽ được tất cả pháp thanh tịnh.

Hỏi:

- Người chưa đắc đạo, kiết sử chưa đoạn, sáu thứ suy tư mạnh mẽ từ tâm khởi loạn thì làm sao trừ được?

Đáp:

- Tâm chán thế gian, tu chánh quán thì có thể chặn mà chưa thể nhổ tận gốc. Sau khi đắc đạo vô lậu mới nhổ tận gốc kiết sử.

Thế nào là chánh quán?

- Thấy người đa dục cầu dục khổ

Được rồi giữ gìn, càng khổ thêm

Khi mất, buồn rầu là khổ lớn

Khi tâm được dục, không hết khổ

Dục là vô thường, khổ, rỗng không

Nhóm họp đủ cả, biết nên bỏ

Ví như rắn độc vào trong nhà

Không gấp diệt trừ, hại ắt đến.

Bất định, không thật, không giá trị

Cầu mong những thứ vui điên đảo

Bậc A-la-hán sáu thần thông

Dạy bảo đệ tử cảnh giác dục

Ông không phá giới, giới thanh tịnh

Không cùng người nữ ở chung nhà

Rắn độc tham dục đầy nhà tâm
Vui ái buộc ràng chẳng lìa nhau
Đã biết giới thân không thể phá
Tâm ông cùng lửa dục ở chung
Ông là người xuất gia cầu đạo
Cớ sao buông lung tâm như vậy!
Cha mẹ sanh ra, nuôi lớn ông
Thân thuộc yêu thương cùng tác thành
Họ đều rơi lệ quyên luyện ông
Ông đành lìa xa không đoái tưởng
Mà tâm luôn luôn nghĩ đến dục
Vui đùa cùng dục, tâm không chán
Thường thích ở chung cùng lửa dục
Vui vẻ thích thú, không tạm lìa.

Như vậy là các cách quở trách tham dục và các pháp chánh quán trừ tham dục.

Hỏi:

- Làm thế nào để diệt sự nóng giận?

Đáp:

- Trụ thai, xuất thai luôn bị khổ

Chúng sanh như vậy chớ giận, hại!

Nóng giận khởi lên, từ bi diệt

Từ bi - sân hận, chẳng hiệp nhất.

Ông niệm từ bi, sân hận diệt

Ví như sáng tối không cùng chỗ

Nếu trì tịnh giới mà nóng giận

Người ấy tự mình phá pháp lợi.

Ví như đàn voi vào nước tắm

Lại lấy đất bùn trầy khắp thân

Tất cả đều bị già - bệnh - chết

Mọi thứ đánh đập trăm ngàn khổ

Vì sao người hiền thương chúng sanh

Ta lại tăng thêm sự sân hận?

Nếu sanh sân hận muốn hại người

Chưa hại được người, tự đốt ta

Nên thường thực hành hạnh từ bi

Trong không sanh niệm sân nào hại

Người nào thường nhớ hành pháp thiện

Tâm ấy thường làm điều Phật nghĩ

Vì vậy không nên nghĩ bất thiện

Thường nghĩ pháp lành, tâm vui vẻ

Nay vui, đời sau cũng được vui

Đắc đạo thường vui là Niết-bàn

Nếu tâm ôm ấp việc bất thiện

Tự mình mất lợi, hại kẻ khác

Gọi là mình người đều mất thiện

Người có tịnh tâm cũng chìm mất

Ví như đạo nhơn ở chỗ vắng

Giơ tay khóc lớn: “Giặc cướp tôi”.

Có người hỏi:

- Ai cướp ông?

Đáp:

- Giặc cướp của cải tôi không sợ. Tôi không chứa của cải, cầu lợi ở đời thì giặc của cải nào hại được tôi? Tôi tu tập thiện căn, các pháp bảo, giặc “giác quán” đến phá hoại lợi ích của tôi, giặc cướp của cải thì có thể tránh, có nhiều nơi để giấu còn giặc cướp pháp lành thì không có chỗ trốn.

Như vậy là các cách quở trách nóng giận và các pháp chánh quán trừ nóng giận.

Hỏi:

- Làm thế nào để trừ não hại?

Đáp:

- Đáp rằng chúng sanh trăm ngàn loại

Các bệnh thay nhau đến bức não
Giặc chết thường rình muốn giết hại
Tự chìm đắm trong vô lượng khổ
Tại sao lại nã hại người hiền?
Chê bai mưu hại không từ mẫn
Chưa tổn thương người, tự mang họa
Người đời gây hại có thể tha
Việc đó với đời là nhân ác
Cũng không tự nói ta tu thiện
Người xuất gia cầu đạo thanh tịnh
Mà sanh nóng giận, tâm ganh ghét
Trời tạnh trong mây phóng lửa độc
Nên biết ác đây tội rất nặng
Người ở thanh vắng khởi ganh ghét
Có La-hán chứng tha tâm trí
Dạy quả trách rằng: Người sao đại!
Ganh ghét tự phá cội công đức
Nếu cầu cúng dường nên tu tập
Dùng các công đức trang nghiêm thân
Nếu không trì giới, thiền, đa văn

Dối mặc y nhuộm hoại pháp thân

Đúng kẻ xin ăn người tặc ác

Sao cầu cúng dường để lợi thân

Đói khát, nóng lạnh trăm ngàn khổ

Chúng sanh thường bị các khổ này

Thân tâm khổ sở không cùng tận

Tại sao người hiền thêm não hại?

Ví như ung nhọt dùng kim chích

Như người tù đang bị tra khảo

Khổ sở trói thân phiền não nhóm

Sao từ bi, lại làm khổ thêm?!

Như vậy là các cách quả trách não hại và các pháp chánh quán trừ não hại.

Hỏi:

- Làm sao để trừ suy tư về thân thuộc?

Đáp:

- Nên nghĩ thế này: Trong thế giới sanh tử, do duyên lôi kéo thì đâu là thân, đâu là không thân? Chỉ vì ngu si nên sanh tâm sai lầm, chấp là thân thuộc của ta. Đời quá khứ chẳng phải là thân thuộc, cho là thân thuộc. Đời vị lai chẳng phải là thân thuộc, cho là thân thuộc. Đời hiện tại là thân thuộc nhưng quá khứ chẳng phải là thân thuộc.

Ví như đàn chim tới về cùng đậu trên một cây, sáng ra theo duyên mà mỗi con bay mỗi phương. Dòng họ thân thuộc cũng lại như vậy, sanh trong thế giới tâm mỗi người khác nhau, nhân duyên hội hợp thành người thân, nhân

duyên tan rã thành kẻ sơ, không có nhân duyên quả báo cố định gần gũi nhau mãi.

Ví như cát khô do tay nắm chắc nên cát hợp thành khối. Do nắm nên hiệp, do thả nên tan. Cha mẹ nuôi con đến già sẽ được báo đáp. Con nhờ cha mẹ bảo bọc nuôi dưỡng nên phải báo đáp lại. Nếu thuận ý cha mẹ là thân, nếu trái ý cha mẹ là giặc. Có người thân không thể làm lợi ích, trái lại còn gây hại. Có người không thân không gây hại mà lại giúp ích. Người do nhân duyên mà sanh ái, cũng do nhân duyên ái mà chia lìa.

Ví như họa sĩ vẽ hình người nữ rồi tự thương nhớ, ở đây cũng như vậy, tự sanh lòng đắm trước vật bên ngoài. Trong đời quá khứ, ông có quê hương thân thuộc, đời nay ông phải làm sao? Ông đâu thể làm lợi ích cho người thân trong quá khứ. Người thân trong quá khứ cũng đâu giúp ích được ông. Cả hai đều không giúp ích được nhau, dù là thân hay chẳng phải thân cũng chỉ là nghĩ suông thôi.

Trong thế giới vô biên vô định, không thiết nghĩ ai là thân, ai là không thân.

Như vị La-hán dạy đệ tử mới xuất gia còn quyến luyến người thân: “Nhu người hèn mửa thức ăn rồi muốn ăn lại, ông cũng như vậy. Ông đã được xuất gia, vì sao lại còn lưu luyến dục? Cao tốc, nhuộm y là tướng giải thoát, ông yêu mến thân thuộc quê hương, không được giải thoát, còn bị ái buộc. Ba cõi vô thường, lưu chuyển không dừng, hoặc người thân, hoặc chẳng phải người thân, tuy nay là người thân thuộc nhưng, về sau ắt phải diệt”.

Như vậy, chúng sanh trong mười phương lưu chuyển xoay vần, quê hương thân thuộc vô định thì đâu chẳng phải là quê hương thân thuộc của ta? Người khi sắp chết, không tâm không thức, đôi mắt đứng tròn, khí dừng, mạng dứt, như rơi hầm tối. Khi ấy quê hương thân thuộc đâu còn!

Nếu khi mới sanh, đời trước không thân, nay gượng hòa hợp làm thân, hoặc khi sắp chết, người thân lại thành không thân. Tư duy như thế không nên quyến luyến thân thuộc.

Như đứa trẻ chết cùng lúc cha mẹ ba loài đều khóc lóc cuồng loạn: cha mẹ vợ con cõi trời, cha mẹ cõi người, cha mẹ loài rồng cũng khóc cuồng loạn.

Như vậy, các pháp chánh quán trừ suy tư về thân thuộc.

Hỏi:

- Làm thế nào để trừ suy tư về cõi nước?

Đáp:

- Hành giả nếu suy tư về cõi nước phồn vinh, an ổn, vui vẻ, có nhiều người tốt, nên thường bị sự suy tư trên ràng buộc, lôi kéo thì cần phải bỏ đi suy tư lỗi lầm như thế. Nếu là người trí thì không nên đắm trước. Vì sao vậy? - Vì cõi nước bị thiêu đốt bởi các lỗi lầm nên thời tiết thay đổi, thêm sự đói khát nên thân thể mỏi mệt.

Tất cả cõi nước vô thường, không an ổn. Lại nữa, khổ già bệnh chết không nước nào mà không có. Thân ở nơi này cũng khổ, đến được nơi khác thân cũng khổ. Đi khắp cả cõi nước không nơi nào mà không khổ.

Giả như cõi nước an ổn, phồn thịnh, vui vẻ mà còn có phiền não, do tâm sanh tai họa đau khổ thì đó chẳng phải là cõi nước tốt. Nếu có thể trừ đi những thứ xấu xa trong cõi nước, làm mỏng bớt kiết sử, tâm không còn khổ não, thì đó là cõi nước tốt.

Tất cả chúng sanh có hai loại khổ: khổ thân và khổ tâm nên thường bị khổ não, không có cõi nước nào mà không có hai thứ khổ này.

Lại nữa, có cõi nước rất lạnh, có cõi nước rất nóng, có cõi nước đói khát, có cõi nước nhiều bệnh, có cõi nước nhiều giặc, có cõi nước không có pháp luật.

Như vậy, đối với các thứ xấu ác của cõi nước, tâm không nên đắm trước. Như vậy là chánh quán trừ sự suy tư về cõi nước.

Hỏi:

- Làm thế nào để trừ sự suy tư về bất tử?

Đáp:

- Nên dạy hành giả: hoặc sanh trong nhà giàu sang, hoặc con dòng họ tài năng, có thể lực hơn người... tất cả đừng nghĩ nhớ. Vì sao vậy? - Vì khi thân chết đến thì không lựa già, trẻ, sang, hèn, tài năng, thế lực....

Thân này là nơi hợp các duyên sâu khổ. Ai thấy mình còn trẻ, sống lâu, cho là được an ổn thì đó là kẻ ngu si. Vì sao? - Vì ưu sầu khổ não nương vào tứ đại này, tứ đại tạo nên hình thể như bốn con rắn độc chống trái lẫn nhau, thì làm sao được yên ổn!

Hơi thở ra không thể tin trở vào. Lại như người khi ngủ mà nghĩ chắc chắn thức dậy đều là việc khó tin. Từ khi vào thai cho đến lúc già, cái chết thường đến, cái chết luôn tìm đến mà cứ nói là không chết thì làm sao có thể tin?

Giống như giặc giết hại, rút dao, giương cung, tìm người để giết, không lòng thương xót. Cuộc sống của người ở đời, sức mạnh sự chết là hơn hết, không có gì thắng được sức mạnh của sự chết. Dù người tài giỏi nhất trong đời quá khứ cũng không thoát được cái chết. Bậc đại trí trong đời hiện tại cũng không thể thắng nó, không thể dùng lời nhỏ nhẹ van xin được. Chẳng thể dùng lời khéo léo đánh lừa được, hòng thoát khỏi nó; cũng không thể trì giới tinh tấn mà từ khước được cái chết.

Do đó nên biết, mạng người tạm bợ không thể trông cậy. Chớ có tin rằng ta sẽ sống lâu. Bọn giặc chết thường dẫn người đi, không đợi đến già rồi mới giết.

Như A-la-hán dạy các đệ tử bị sự nhiễu hại của các suy tư rằng: - Vì sao ông không biết ông đã nhàm chán thế gian vào đạo, mà còn suy nghĩ như thế?

Có người chưa sanh ra đã chết, có người chết trong khi sanh, có người chết trong lúc còn bú, có người chết sau khi hết bú, có người chết lúc còn bé, có người chết trong thời trai tráng, có người chết lúc tuổi già... trong mọi lúc đều có sự chết. Ví như cây vừa có hoa, hoa liền rụng, hoặc thành trái mới rụng, hoặc chưa chín đã rụng. Do đó nên biết, cần nỗ lực tinh tấn để cầu đạo an ổn.

Cùng ở với giặc có sức mạnh lớn không thể tin. Giặc này như cọp, rất khéo giấu mình. Như vậy giặc chết thường tìm người giết. Mọi vật trong thế giới rộng không như bọt nước. Tại sao nói đợi thời cơ đến rồi mới vào đạo? Ai có thể bảo chứng chắc chắn rằng ông sống đến già để được hành đạo?

Ví như cây to cheo leo bên bờ vực, bên trên thì gặp cuồng phong, bên dưới thì bị lũ lớn xoi lỗ, bày cả rẫy, ai mà tin cây này tồn tại lâu dài? Mạng người cũng vậy, còn nhỏ cũng không thể tin. Cha như lúa giống, mẹ như ruộng tốt,

nhân duyên tội phước đời trước như mưa thấm nhuần. Chúng sanh như cây lúa, chết sống như cắt gặt.

Những bậc thiên tử, như vương trí đức..., như thiên vương giúp chư thiên đánh phá quân A-tu-luân, họ đều hưởng những thú vui cao tốt tốt đẹp, nhưng rồi lại rơi vào tối tăm. Vì vậy, chớ nên tin vào mạng sống mà nói rằng: “Ngày nay ta làm việc này, ngày mai ta sẽ làm việc ấy”.

Như vậy là pháp chánh quán trừ suy tư về bất tử.

Như thế, trước trừ suy nghĩ thô, sau đó trừ suy nghĩ tế. Khi tâm thanh tịnh liền được chánh đạo, tất cả kiết sử đều đoạn tận, từ đây được chỗ an ổn. Đó là quả xuất gia.

Tâm được tự tại, ba nghiệp thanh tịnh hơn hết, không còn thọ thai, đọc các kinh và nghe nhiều, khi ấy được quả báo. Khi được như vậy thì hoàn toàn phá hết ma quân, liền được tôn xưng là bậc đồng mãnh đệ nhất. Còn bỏ phiền não ở trong thế giới mà đi thì không gọi là mạnh, nhưng có thể phá giặc phiền não, trừ lửa tam độc để được mát mẻ, vui vẻ, thanh tịnh, gối cao đầu an ổn trong rừng Niết-bàn, cùng với các thứ gió mát thiên đình, ngũ căn, ngũ lực, thất giác từ bốn hướng thổi đến và nghĩ đến chúng sanh chìm đắm trong biển tam độc, có cái đức diệu lực như vậy mới gọi là mạnh.

Như vậy, người tán tâm nên niệm A-na-ban-na và học sáu pháp để đoạn trừ các suy nghĩ. Vì vậy nên niệm số tức.

Hỏi:

- Trong bốn pháp quán như: pháp quán bất tịnh, niệm Phật,... cũng đoạn trừ được suy nghĩ, thì vì sao chỉ nói về số tức?

Đáp:

- Do các pháp quán khác chậm rãi nên khó mất, còn pháp số tức nhanh chóng nên dễ chuyển. Ví như thả trâu, bỏ trâu khó mất nên sự coi giữ dễ lơ là. Còn thả khí dễ mất nên phải coi giữ cẩn thận. Đây cũng như vậy, tâm đếm số hơi thở, đếm không để chút thời gian nghĩ việc khác, phút chốc nghĩ việc khác thì liền quên số đếm. Vì vậy nên ban đầu muốn đoạn trừ suy nghĩ thì phải tu số tức.

Đã đặc pháp số tức nên thực hành tùy tức để đoạn trừ suy nghĩ. Tâm nương theo hơi thở vào đến cùng, đừng đếm một. Hơi thở ra, tâm nương theo đến cùng, chớ đếm hai. Ví như chủ nợ đến đòi người mắc nợ, theo sát chẳng rời. Tư duy như thế, hơi thở vào, hơi thở ra lại có sự khác nhau, khi ấy biết được hơi thở vào khác, hơi thở ra khác. Vì sao vậy? - Vì hơi thở vào lạnh, hơi thở ra ấm.

Hỏi:

- Hơi thở vào - ra chỉ là một hơi thở. Vì sao? - Vì ra rồi lại trở vào. Ví như nước ngâm thì ấm, nhổ ra thì lạnh. Nước lạnh trở nên ấm, nước ấm trở lại lạnh?

Đáp:

- Không phải vậy. Do nội tâm động nên có hơi thở ra, ra rồi liền mất, mũi miệng dẫn từ bên ngoài thì có hơi thở vào, vào rồi liền diệt, cũng không có sắp ra, không có sắp vào.

Lại nữa, tùy theo hạng tuổi: trẻ, lớn, già. Người trẻ thì hơi thở vô dài, thanh niên hơi thở ra vào bằng nhau, người già hơi thở ra dài. Vì vậy, chẳng phải là một hơi thở.

Lại nữa, từ rốn hơi thở phát ra dường như tương tục, hơi ra đến bên ngoài mũi miệng, ra rồi liền mất. Ví như hơi trong quả bóng, khi mở ra liền mất. Nếu dùng duyên của mũi, miệng dẫn gió vào, từ đó nhân duyên mới phát sanh.

Ví như cái quạt, do các duyên hợp lại thì có gió. Khi ấy biết do nhân duyên của hơi thở ra vào mà có sự hư dối không thật, sanh diệt là vô thường.

Tư duy như vậy, hơi thở ra từ nhân duyên của mũi miệng dẫn dắt, hơi thở vào do nhân duyên tâm động mà phát sanh. Người mê không biết, cho đó là hơi thở của mình. Hơi thở là gió, cùng gió bên ngoài không khác.

Đất - nước - lửa - không cũng lại như vậy. Do nhân duyên của năm đại hòa hợp nên thức sanh. Thức cũng như vậy, chẳng phải của ta. Năm âm, mười hai nhập, mười tám giới cũng như thế. Biết như vậy, theo hơi thở vào ra gọi là tùy.

Đã được pháp tùy rồi, nên thực hành pháp chỉ.

Pháp chỉ: sổ và tùy tâm rất an trú, nên dừng ý nơi lỗ mũi để niệm hơi thở ra vào.

Hỏi:

- Vì sao phải chỉ? Vì đoạn trừ các suy nghĩ để tâm không còn tán loạn. Nhưng khi đếm và nương hơi thở thì nhiều căng thẳng, tâm không định. Chỉ thì tâm an nhàn, ít căng thẳng, trụ tâm một chỗ, ghi nhận hơi thở ra vào. Ví như người giữ cửa, đứng ở gần cửa xem xét người ra vào, tâm chỉ cũng vậy, biết hơi thở khi ra từ rốn lên tim, ngực, cổ họng, miệng, mũi; khi hơi thở vào thì từ miệng, mũi, cổ họng, tim đến rốn. Cột tâm một chỗ như vậy gọi là chỉ.

Lại nữa, trong pháp chỉ, tâm dừng lại để quán sát. Khi hơi thở vào, năm ấm sanh diệt khác, khi hơi thở ra năm ấm sanh diệt khác. Như thế, tâm loạn liền diệt trừ, nhất tâm tư duy làm cho pháp quán tăng trưởng, thì đó gọi là pháp quán.

Bỏ việc trụ tâm ở lỗ mũi, lìa pháp quán thô. Đã lìa pháp quán thô thì biết hơi thở là vô thường, đây gọi là chuyển quán. Quán ngũ ấm vô thường cũng niệm hơi thở ra vào sanh diệt vô thường. Thấy hơi thở ban đầu không từ đâu đến, kể đến quán hơi thở sau cũng không có dấu vết, do nhân duyên hợp nên hiện hữu, vì nhân duyên tan rã nên không còn. Đó là pháp chuyển quán.

Trừ diệt ngũ cái và các phiền não, tuy trước được chỉ quán mà phiền não chưa sạch, tâm còn tạp loạn. Nay pháp tịnh này làm tâm được thanh tịnh. Lại nữa, pháp quán trước là dị học, giống như hành pháp niệm hơi thở ra vào. Nay hành pháp vô lậu giống như hành pháp thiện hữu lậu, gọi đó là thanh tịnh.

Lại nữa, pháp quán đầu là một phần trong thân niệm chỉ, dần dần toàn thân niệm chỉ, kể đến hành thống và tâm niệm chỉ. Vì trong đó chưa thanh tịnh, còn xa đạo vô lậu nên nay trong pháp niệm chỉ, phải quán mười sáu hành trạng, niệm hơi thở ra vào để đắc pháp noãn, pháp đánh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất, pháp khổ, pháp nhẫn, cho đến vô học tận trí, mới gọi là thanh tịnh.

Trong mười sáu phần ấy, phần đầu hơi thở vào có sáu hạnh A-na-ban-na, phần hơi thở ra cũng như vậy. Nhất tâm niệm hơi thở vào ra hoặc dài hoặc ngắn. Ví như người sợ hãi, người chạy lên núi hoặc như người mang nặng,

hoặc như người thở lên... trường hợp như vậy là hơi thở ngắn. Như người khi mệt được nghỉ ngơi vui vẻ, lại như người được phóng thích ra khỏi tù... trường hợp như thế thì hơi thở dài. Tất cả hơi thở đều thuộc trong hai loại thở này, hoặc dài hoặc ngắn. Thế nên nói hơi thở dài hoặc ngắn trong đó cũng hành sáu việc của A-na-ban-na.

Niệm các hơi thở khắp thân cũng niệm hơi thở ra vào. Quán trong thân các hơi thở ra vào, biết rõ các lỗ chân lông khắp trong thân cho đến ngón chân ngón tay đều thở. Ví như nước thấm vào cát, biết hơi thở ra khắp lỗ chân lông từ chân đến tóc. Như nước thấm qua cát. Ví như hơi vô ra đều khắp ở túi da hơi, hơi vô ra miệng mũi cũng vậy. Thấy hơi thở lưu hành khắp toàn thân, như lỗ của cọng sen dẫn nước, như lưới đánh cá. Tâm lại quán hơi thở vào ra chẳng riêng mũi miệng mà tất cả trong các lỗ chân lông cửu khiếu cũng thấy hơi thở ra vào. Thế nên biết hơi thở khắp thân, trừ các thân hành cũng niệm hơi thở ra vào.

Người mới học quán hơi thở, nếu thân lười biếng, mê ngủ, nặng nề thì phải trừ bỏ đi. Thân thể nhẹ nhàng hòa dịu, thuận theo thiên định, tâm cảm nhận niềm vui, cũng niệm hơi thở ra vào để trừ sự nặng nề của tâm lười biếng, ngủ nghỉ, được tâm nhẹ nhàng hòa dịu, thuận theo thiên định, tâm cảm nhận niềm vui.

Lại nữa, vào trong thân niệm chỉ rồi, kể đến hành thống niệm chỉ xong thì đắc thân niệm chỉ. Đến đây thật sự đắc lại thống niệm chỉ, mới cảm thọ niềm vui thật sự.

Lại nữa, đã biết thật tướng của thân, nay muốn biết thật tướng của tâm và tâm sở pháp. Thế nên cảm nhận niềm vui cũng niệm hơi thở ra vào, vui thích cũng niệm hơi thở ra vào, làm pháp hỷ tăng trưởng gọi là lạc.

Lại nữa, trong tâm mới sanh vui gọi là hỷ, sau toàn thân đều vui gọi là lạc.

Lại nữa, cảm giác vui trong sơ thiền, nhị thiền gọi là hỷ, cảm giác vui trong tam thiền gọi là lạc.

Thọ các tâm hành cũng niệm hơi thở ra vào. Các tâm pháp sanh diệt, tâm pháp nhiễm, tâm pháp không nhiễm, tâm pháp tán loạn, tâm pháp thâm nhiếp, tâm pháp chánh, tâm pháp tà... các tướng tâm như vậy gọi là tâm hành.

Khi tâm sanh vui mừng cũng niệm hơi thở ra vào. Sự cảm giác vui trước là tự sanh, chẳng phải do cố tâm phát khởi mà có.

Hỏi:

- Vì sao cố tâm phát khởi vui mừng?

Đáp:

- Vì muốn trị hai thứ tâm tán loạn và thâm nhiếp, phát khởi tâm như vậy được ra khỏi phiền não, cho nên niệm pháp để tâm phát sanh vui mừng. Lại nữa, nếu tâm không vui mừng thì gắng kích động cho nó vui mừng.

Khi tâm thâm nhiếp cũng niệm hơi thở ra vào. Nếu tâm không an định thì đồng mãnh nhiếp phục, làm cho nó an định. Như trong kinh nói: “Tâm định là đạo, tâm loạn chẳng phải đạo”

Khi tâm khởi giải thoát, cũng niệm hơi thở ra vào. Nếu ý không giải thoát thì đồng mãnh nhiếp phục, làm cho nó giải thoát. Như con dê vào lùm cỏ gai, bị gai móc, người vì nó gỡ ra lần lần. Tâm khởi sự giải thoát các kiết sử phiền não cũng như vậy. Đó gọi là tâm niệm chỉ khởi giải thoát.

Quán vô thường cũng niệm hơi thở ra vào. Quán các pháp vô thường sanh diệt, rỗng không, không có tôi ta, khi sanh các pháp rỗng không sanh, khi diệt các pháp rỗng không diệt. Trong đó không có nam, không có nữ, không có người tạo tác, không có kẻ thọ nhận... Gọi đó là pháp quán tùy vô thường.

Quán pháp hữu vi tan rã cũng niệm hơi thở ra vào vô thường, gọi là xuất tán. Các pháp hữu vi hiện hữu trong hiện tại, do nhân duyên hòa hợp từ quá khứ, do nhân duyên hủy hoại nên tan rã. Như vậy, nương vào đó quán, gọi là quán tan rã.

Quán lìa sự trói buộc của dục cũng niệm hơi thở ra vào. Tâm lìa các sự trói buộc là pháp đệ nhất. Đó gọi là pháp quán tùy ly dục.

Quán diệt tận cũng niệm hơi thở ra vào. Các khổ của kiết sử nơi nơi đều dứt là chón an ổn. Đó gọi là quán tùy diệt tận.

Quán buông bỏ cũng niệm hơi thở ra vào. Các thứ ái nhiễm phiền não, thân, tâm, ngũ ấm và các pháp hữu vi đều buông bỏ, là chỗ an ổn bậc nhất. Quán như thế gọi là pháp quán tùy ý chỉ.

Đó là mười sáu phần (pháp quán ý chỉ)

V.- PHÁP MÔN TRỊ ĐẲNG PHẦN:

Phần thứ năm là pháp môn trị đẳng phần, và người phạm trọng tội cầu làm Phật.

Những người như thế nên dạy nhất tâm niệm Phật tam muội. Niệm Phật tam muội có ba hạng: hạng mới tập, hạng đã tập, hạng đã tập lâu.

Nếu người mới tập, nên dẫn đến trước tượng Phật, hoặc bảo họ tự đến, xem kỹ những tướng tốt của tượng Phật, mỗi tướng rõ ràng, nhất tâm ghi nhớ, trở về ngồi yên tĩnh, dùng mắt tâm quán tượng Phật, không cho ý lay chuyển, cột niệm tại hình tượng, không nghĩ việc khác, có suy nghĩ khác liền thu nhiếp về trụ ở hình Phật. Nếu hành giả tâm không trụ thì thầy phải dạy rằng:

“Ông nên tự trách tâm: do người mà ta phải chịu tội không thể tính kể, chết sống không cùng, mọi thứ khổ não đều đã trải qua, hoặc ở địa ngục nuốt hòn sắt nóng, uống nước đồng sôi, hoặc trong loài súc sanh nhai cỏ ăn phân, hoặc ở ngã quý chịu khổ đói khát, hoặc trong loài người nghèo cùng, nguy khốn, hoặc ở cõi trời sầu não vì mất ngũ dục. Bởi thường theo người nên làm cho thân tâm ta chịu vô lượng khổ não như vậy. Nay ta phải chế phục người, người phải theo ta, buộc người một chỗ, ta quyết định không để người làm ta khốn đốn nữa, lại phải chịu mọi sự khổ độc. Người thường làm khổ ta, nay ta phải làm khổ người”.

Quở trách như vậy thì tâm hết tán loạn. Khi ấy liền được mắt tâm sáng suốt, thấy tướng tượng Phật rõ ràng, như mắt nhìn thấy không khác, như thế tâm được trụ. Đó là hành giả mới tập tư duy.

Khi ấy hành giả lại nghĩ: “Hình tướng này là ai? Là hình tượng Phật Thích Ca Mâu Ni ở quá khứ. Như nay ta thấy hình tượng Phật, hình Phật cũng không đến, ta cũng không đi. Tâm tưởng như thế, thấy Phật thời quá khứ, khi mới giáng thân, chấn động trời đất, có ba mươi hai tướng đại nhưn:

- 1- Lòng bàn chân bằng phẳng.
- 2- Dưới bàn chân có Thiên bực luân.
- 3- Ngón tay dài, đẹp.
- 4- Gót chân rộng.
- 5- Kẻ ngón tay ngón chân đều có màng lưới mỏng.
- 6- Mu bàn chân cao, bằng, đẹp.
- 7- Chân thon, tròn đầy như nai chúa.
- 8- Đứng thẳng, tay quá gối.
- 9- Tướng mã âm tàng.
- 10- Thân tròn, thẳng như cây Ni-câu-lô-đà.
- 11- Mỗi lỗ chân lông đều có một sợi lông.
- 12- Lông hướng lên và xoay qua phải.
- 13- Sắc thân thể hơn sắc vàng ròng.
- 14- Hào quang tỏa quanh thân một trượng.
- 15- Da mỏng, đẹp.
- 16- Bảy chỗ đầy đặn.
- 17- Dưới hai nách bằng đẹp.
- 18- Thân trên như sư tử.
- 19- Thân rất đẹp, ngay ngắn.
- 20- Vai tròn đẹp.

- 21- Có bốn mươi cái răng.
- 22- Răng trắng, bằng khít, chân sâu.
- 23- Bốn răng cửa trắng, lớn.
- 24- Má vuông như má sư tử.
- 25- Trong vị giác được thượng vị.
- 26- Lưỡi lớn, rộng, dài mà mỏng.
- 27- Tiếng Phạm âm sâu xa.
- 28- Âm thanh như tiếng Ca-lăng-tần-già.
- 29- Mắt màu xanh biếc như trời xanh.
- 30- Lông mi như râu chúa.
- 31- Trên đánh có nhục kế.
- 32- Giữa chận mày có tướng bạch hào dài, đẹp, xoắn về bên phải.

Lại có tám mươi vẻ đẹp:

- 1- Tướng vô kiến đánh.
- 2- Mũi cao, thẳng, đẹp, kín.
- 3- Lông mày như vàng trắng lưỡi liềm, xanh như màu lưu ly.
- 4- Tai đẹp.
- 5- Thân như Na-la-diên.
- 6- Xương mắc nhau như mắc xích.
- 7- Khi xoay thân như voi chúa.

- 8- Khi đi, chân cách đất bốn tấc mà vẫn in dấu.
- 9- Móng tay màu như đồng đỏ, mỏng và bóng sáng.
- 10- Đầu gối tròn đẹp.
- 11- Thân tinh khiết.
- 12- Thân mềm mại.
- 13- Thân không cong.
- 14- Ngón tay thon dài.
- 15- Đường chỉ tay đẹp như bức họa nhiều màu.
- 16- Mạch sâu không lộ.
- 17- Mắt cá ẩn không lồi.
- 18- Thân sáng, bóng láng.
- 19- Thân vững, không xiêu quẹo.
- 20- Thân đầy đủ (tháng ba thọ thai, tháng hai sanh).
- 21- Đầy đủ dung nghi.
- 22- Đứng vững chãi như trầu chúa bất động.
- 23- Uy dũng trùm khắp.
- 24- Chúng sanh thích chiêm ngưỡng.
- 25- Mặt không dài.
- 26- Dung mạo đoan chánh, không có sắc xen tạp.
- 27- Môi đỏ như màu quả Tần-bà.

- 28- Mặt tròn đầy.
- 29- Âm thanh vang xa.
- 30- Rốn tròn sâu, không lồi.
- 31- Lông khắp thân đều xoay về bên phải.
- 32- Chân tay đầy đặn.
- 33- Tay chân như ý (trong ngoài đều nắm được).
- 34- Đường chỉ tay chân đều rõ ràng và thẳng.
- 35- Chỉ tay dài.
- 36- Chỉ tay không đứt đoạn.
- 37- Tất cả chúng sanh có ác tâm, khi thấy đều lộ vẻ vui mừng.
- 38- Mặt rộng, đẹp.
- 39- Mặt như vàng trắng.
- 40- Chúng sanh thấy không kinh sợ.
- 41- Lỗ chân lông tỏa mùi thơm.
- 42- Miệng thoảng mùi hương, người gặp, được pháp lạc bảy ngày.
- 43- Dung nghi như sư tử.
- 44- Tiên, dờng như voi chúa.
- 45- Đi như ngỗng chúa.
- 46- Đầu như quả Ma-đa-la (quả này không tròn không dài).
- 47- Đầy đủ âm thanh (có sáu mươi loại âm thanh, Phật đều biết hết).

- 48- Răng sắc bén.
- 49- (Vì chữ Hán không có tên gọi nên không nêu).
- 50- Lưỡi rộng và đỏ.
- 51- Lưỡi mỏng.
- 52- Lông màu hồng, sạch sẽ.
- 53- Mắt rộng, dài.
- 54- Không môn đầy, tướng cửu khiêu đủ và đầy đặn.
- 55- Chân tay trắng đỏ như màu hoa sen).
- 56- Bụng không lồi.
- 57- Bụng không lép.
- 58- Thân bất động.
- 59- Thân nặng.
- 60- Thân lớn.
- 61- Thân cao lớn.
- 62- Chân tay sạch, đầy đặn.
- 63- Quanh thân có hào quang lớn, khi đi ánh sáng chiếu khắp.
- 64- Coi chúng sanh như nhau.
- 65- Giáo hóa chẳng chấp trước, không ham đệ tử.
- 66- (Nói) âm thanh vừa phải tùy theo từng loài chúng sanh (thích nghe).
- 67- Tùy theo ngôn ngữ của chúng sanh mà thuyết pháp.

68- Lời nói không ngăn ngại.

69- Thuyết pháp theo thứ lớp, không gián đoạn.

70- Tướng Phật, chúng sanh nhìn ngắm không thể biết hết.

71- Ngắm không nhầm chán.

72- Tóc dài, đẹp.

73- Tóc xoắn đẹp.

74- Tóc không rối.

75- Tóc không hư.

76- Tóc mềm mại.

77- Tóc màu xanh như ngọc Tỳ-lưu-ly

78- Bề mặt tóc mềm.

79- Tóc không thưa.

80- Ngực có chữ Đức (), chân có chữ Kiết (). Ánh sáng chiếu suốt vô lượng thế giới.

Lúc mới sanh đi bảy bước, miệng nói lên lời quan trọng. Xuất gia chuyên cần khổ hạnh.

Dưới cội Bồ-đề hàng phục quân ma. Khi trời gần sáng thành bậc Đẳng Chánh Giác, tướng ánh sáng rõ ràng chiếu khắp mười phương. Trên không, không đâu không có chư thiên đàn ca, rải hoa, mưa hương cúng dường.

Tất cả chúng sanh vô cùng cung kính, một mình qua lại trong ba cõi, xoay mình như voi chúa, quán xem đạo thọ, chuyển pháp luân đầu trời người đều ngộ. Tu đạo tự chứng đạt đến Niết-bàn.

Thân Phật như thể, cảm phát vô lượng. Chuyên tâm niệm Phật, không nghĩ việc khác, có nghĩ việc khác liền thu nhiếp trở về. Như vậy thì không loạn động. Khi ấy liền được thấy sắc thân một đức Phật, hai đức Phật, cho đến mười phương chư Phật, trong vô lượng thế giới. Do dùng tâm tưởng nên được thấy như vậy.

Đã thấy Phật, sau được nghe thuyết pháp, hoặc tự thưa hỏi, được Phật, thuyết pháp trừ các nghi ngờ. Đã được Phật nghĩ tưởng, lại nên niệm công đức pháp thân của Phật có vô lượng đại tuệ, trí sâu thẳm không bờ mé, đức không thể tính kể:

- Đa Đà A Già Độ: Như Lai.
- A lô: Ứng cúng.
- Tam Miệu Tam Phật Đà: Chánh biến tri.
- Tỳ Già Giá La Na Tam Bát Na: Minh hạnh túc.
- Túc Già Đà: Thiện thế.
- Lộ Già Bại: Thế gian giải.
- A Nậu Đa La: Vô thượng sĩ.
- Phú Lô Sa Đàm Miệu: Điều ngự trượng phu.
- Xá Đa Đề Bà Ma Nậu Xá Nam: Thiên nhân sư.
- Phật Bà Già Bà: Phật Thế tôn.

Bấy giờ, lại niệm thân đức của hai, ba, bốn, năm..., cho đến vô lượng cùng tận cả hư không Phật đều như vậy, trở lại thấy một đức Phật. Có thể quán một đức Phật hóa ra mười phương chư Phật. Quán mười phương chư Phật hợp lại thành một đức Phật,. Có thể quán từ một màu thành các màu: vàng, bạc, thủy tinh,... màu ngọc lưu ly, tùy ý người thích, tất cả đều được thấy.

Khi ấy chỉ quán hai việc: thân Phật hư không và các công đức của Phật. Lại không nghĩ việc khác thì tâm được tự tại, ý không dong ruổi. Khi ấy được thành tựu niệm Phật tam muội.

Nếu tâm còn chạy theo ngũ trần hoặc nghĩ về sáu việc (nêu ở trước) thì nên cố gắng kèm chế, dùng tâm mạnh mẽ để điều phục nó, tư duy như vậy: “Thân người khó được, Phật pháp khó gặp, nên mới nói các thứ ánh sáng thì mặt trời là hơn hết; các bậc trí Phật là bậc nhất. Vì sao? - Vì Phật đối với tất cả chúng sanh thường khởi lòng đại bi, đem đầu, mắt, tủy, não để cứu chúng sanh thì tại sao ta lại phóng tâm, không chuyên chú niệm Phật, cố phụ ơn nặng ấy? Nếu Phật không xuất hiện ở đời thì không có đường đến cõi người, trời và Niết-bàn. Nếu người đem hương hoa cúng dường, lấy xương, thịt, máu, tủy để xây tháp cúng dường thì cũng không bằng người đem pháp cúng dường để đạt đến Niết-bàn. Tuy nhiên, hễ phụ ân Phật thì dù có niệm Phật thì cũng rộng không, không được gì. Vì vậy, ta cần chuyên tâm niệm Phật không xao lãng để báo ân Ngài. Huống nữa niệm Phật được các tam muội, trí tuệ và thành Phật mà không chuyên tâm niệm ư?”.

Vì thế hành giả thường phải chuyên tâm làm cho ý không tán loạn thì được thấy Phật, thưa hỏi giải nghi. Đó gọi là niệm Phật tam muội, trừ diệt đàng phần và các trọng tội.

KINH TỌA THIÊN TAM MUỘI

Hết quyển thượng

Quyển Hạ

Bấy giờ, hành giả tuy được nhất tâm, nhưng định lực chưa thành thực vì còn bị phiền não Dục giới làm loạn động, nên tạo phương tiện tiến đến học Sơ thiên, trách bỏ ái dục.

Thế nào là trách bỏ ái dục?

- Quán tội lỗi của Dục giới: dục là bất tịnh, mỗi mỗi đều bất thiện, nên nghĩ về sự an ổn, vui vẻ của Sơ thiên.

Quán dục như thế nào?

- Quán ái dục là vô thường, oan gia của công đức, nó như huyễn, như hóa, không thật, vô sở đắc. Nghĩ đến dục mà chưa được thì tâm si đã rối loạn, huống gì khi bị dâm dục trói buộc. Cái vui cõi trời còn không an ổn, huống gì ở cõi người. Lòng người say mê ái dục không nhàm chán, như lửa gặp củi, như biển nuốt nước.

Như vua Đảnh Sanh tuy được trời mưa bảy báu, làm vua bốn châu thiên hạ, Đế Thích chia cho tòa ngời mà vẫn không vừa lòng.

Như Na Hầu Sa là vua Chuyển kim luân bị dục thúc bách mà đọa trong loài Mãng xà.

Lại như vị tiên ăn trái cây, mặc áo cỏ, ở ẩn trong núi sâu, đầu bù tóc rối cầu đạo mà vẫn chưa thoát khỏi sự phá hoại của giặc ái dục.

Cái vui của ái dục rất ít mà sự độc hại, thù oán quá nhiều, Người đắm ái dục, bạn ác gần gũi, người hiền xa lánh.

Dục là rượu độc làm người ngu si mê hoặc, say sưa đến chết.

Dục là thứ dối trá, sai khiến người ngu khổ sở muôn bề, không được tự tại.

Chỉ có lìa dục, thân tâm mới an ổn, khoái lạc vô cùng.

Dục không nắm bắt được, như chó gặm xương khô. Tìm dục khổ sở nhọc nhằn mới được; được thì rất khó, mất lại quá dễ, chỉ tạm bợ chốc lát, không lâu dài, như thấy mộng chợt tỉnh, liền mất.

Dục là tai họa, mong cầu đã khổ, được càng khổ thêm. Được nhiều khổ nhiều. Như lửa gặp củi, càng nhiều càng cháy mạnh,

Dục như miếng thịt, bầy chim giành nhau.

Nói tóm lại, như con thiêu thân bay vào trong lửa, như cá mắc câu, như nai theo tiếng, như khát uống nước mặn...

Tất cả chúng sanh vì dục mà rước họa, nên không có khổ nào mà chẳng chuốc lấy. Vì vậy phải biết dục là độc hại, nên cầu Sơ thiên dập tắt lửa dục.

Hành giả nhất tâm chuyên cần tin vui, khiến tâm tăng trưởng, ý không tán loạn. Quán nhàm chán tâm dục để trừ hết kiết sử phiền não, được định Sơ thiền, lìa lửa dữ dục, được định mát mẻ, như nóng được bóng mát, như nghèo được giàu sang. Khi ấy liền được niềm vui của Sơ thiền. Tư duy mỗi công đức trong thiền định, quán xét phân biệt sự tốt xấu, liền được nhất tâm,

Hỏi:

- Người tu thiền được tướng nhất tâm, làm sao có thể biết?

Đáp:

- Người ấy sắc mặt vui tươi, bước đi thông thả, trầm lặng, đoan chánh, không mất nhất tâm, mắt không đăm sắc. Do sức định của thần đức nên không ham danh lợi, phá trừ kiêu mạn, tính tình nhu hòa, không ôm lòng độc hại, lại không xan tham ganh ghét, tâm thanh tịnh, lòng tin chân chánh, luận bàn không tranh cãi, thân không lừa dối, nói năng dễ dãi, hòa nhã, biết hổ thẹn, tâm thường trụ trong pháp, siêng tu tinh tấn, giữ giới trọn vẹn, tụng kinh ghi nhớ đúng đắn, suy nghĩ thực hành theo pháp, ý thường vui vẻ, việc đáng giận mà không giận; trong bốn sự cúng dường không thanh tịnh thì không nhận; bố thí thanh tịnh thì nhận nhưng biết lượng vừa đủ. Thức dậy thanh thản, hay làm hai việc: bố thí - nhẫn nhục, trừ đi tà vạy, bàn luận không tự mãn, nói năng rất ít, khiêm nhường, cung kính bậc thượng - trung - hạ tọa; thường gần gũi thầy hiền bạn tốt, ăn uống biết tiết độ, không đăm vị dục, thích một mình ở nơi yên tĩnh. Đối với khổ vui, tâm nhẫn không động, không oán, không tranh, không thích tranh cãi. Có các tướng như vậy thì biết được đó là tướng nhất tâm.

Hai giác quán này làm loạn tâm thiền định, như nước lã trong, sóng dậy thì đục. Hành giả cũng vậy, bên trong đã được nhất tâm nhưng còn bị giác quán làm loạn, như mệt được nghỉ, như ngủ được an. Khi ấy, dần dần hết giác, hết quán, phát sanh định thanh tịnh, bên trong thanh tịnh mừng vui được vào Nhị thiền. Tâm yên lặng, xưa chưa từng có, nay mới được cái mừng này.

Khi ấy, tâm quán cái mừng là họa hoạn như giác, quán ở trên, thực tập pháp không mừng mới lìa địa vị mừng mà được cái vui của Hiền thánh đã nói. Nhất tâm biết rõ, hộ trì niệm được vào Tam thiền. Đã bỏ cái mừng nên biết rõ sự nhớ nghĩ, hộ trì cái vui. Thánh Nhơn nói hộ trì cái vui, người thường khó bỏ cái vui bậc nhất, vì khi đã qua rồi thì cái vui không trở lại. Vì vậy, tất

cả Thánh Nhơn ở trong tất cả địa vị thanh tịnh thì nói niềm vui của Từ là bậc nhất.

Vui là họa hoạn, vì sao? - Vì trong tầng thiền bậc nhất, tâm không động chuyển nhờ vô sự. Nếu có động thì có chuyển, mà có chuyển thì có khổ. Cho nên Tam thiền cho vui là họa. Lại dùng cái thiện diệu để bỏ cái khổ vui này. Trước bỏ lo mừng, trừ ý khổ vui, hộ trì niệm thanh tịnh, được vào Tứ thiền không khổ không vui, hộ trì niệm nhất tâm thanh tịnh. Thế nên Phật nói: “Hộ trì cái thanh tịnh tột bậc thì gọi là Tứ thiền. Vì Tam thiền cái vui còn xao động nên gọi là khổ. Vì thế Tứ thiền trừ hết khổ vui, nên gọi là bất động.

Tiếp đến quán Không xứ để phá tướng về sắc bên trong và ngoài, diệt trừ tướng hữu đối, không nghĩ tướng các sắc.

Quán Vô lượng không xứ, thường quán lỗi của sắc, nghĩ đến công đức cao đẹp của định Không xứ. Tập nghĩ pháp đó thì đạt đến Không xứ.

Nghĩ đến Vô lượng thức xứ thì quán lỗi của Không xứ.

Nghĩ đến công đức của Vô lượng thức xứ, tập nghĩ pháp này thì đạt đến Thức xứ.

Nghĩ đến Vô sở hữu xứ thì quán lỗi của Thức xứ, nghĩ về công đức của Vô sở hữu xứ. Tập nghĩ pháp này liền được Vô sở hữu xứ.

Nghĩ đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ thì tất cả các tướng kia có rất nhiều họa hoạn, như bệnh, như ghê,... còn vô tướng là chỗ ngu si. Vì thế phi hữu tướng phi vô tướng là cảnh giới lành, an ổn bậc nhất.

Quán lỗi của Vô sở hữu xứ, nghĩ về công đức của phi hữu tướng phi vô tướng, tập nghĩ pháp này thì được Phi hữu tướng phi vô tướng xứ.

Hoặc có hành giả bắt đầu từ sơ địa tiến dần đến thượng địa, lại ở thượng địa thực tập tâm từ, trước để tự mình được vui và phá cái độc sân hận, sau làm tâm từ lan dần đến vô lượng chúng sanh trong mười phương. Lúc ấy liền được từ tâm tam muội.

Tâm bi thương xót nỗi khổ của chúng sanh và hay phá các sự náo hại, rộng đến vô lượng chúng sanh thì khi ấy liền đắc bi tâm tam muội.

Hay phá điều không vui, khiến cho vô lượng chúng sanh đều được vui mừng, khi ấy liền được hỷ tâm tam muội.

Hay phá khổ vui, quán ngay đến vô lượng chúng sanh trong mười phương, khi ấy liền được hộ tâm tam muội.

Nhị thiền cũng lại như vậy. Tam thiền, Tứ thiền thì trừ mừng.

Kê đến học ngũ thông thì thân có thể bay đi, biến hóa tự tại. Hành giả chuyên tâm với dục định, tinh tấn định, nhất tâm định và tuệ định. Chuyên tâm quán thân, thường khởi tưởng nhẹ nhàng, muốn bay đi. Hoặc lớn, hoặc nhỏ, hai thứ này đều là họa hoạn. Chuyên cần tinh tấn, thường nhất tâm tư duy quán nhẹ nhàng.

Như người có thể nổi trên nước là nhờ tâm lực mạnh nên không chìm. Cũng như khi từ trên cao rơi xuống, nhờ tâm lực mạnh nên thân không bị đau đớn. Đây cũng như vậy, nhờ sức của dục, tinh tấn, nhất tâm và tuệ rộng lớn mà thân nhỏ lại, có thể vận hành.

Tiếp đến, quán phần không giới trong thân, thường tập quán này thì sức dục, tinh tấn, nhất tâm và tuệ cực kỳ rộng lớn, liền có thể nhắc thân lên, như sức gió mạnh nhắc vật nặng đi xa. Đây cũng như vậy, lúc đầu tự thử nhắc mình cách đất một hai thước, dần lên đến mười thước rồi trở về chỗ cũ. Như chim non tập bay, em bé tập đi, tư duy tự xét biết tâm lực đã mạnh thì có thể bay đi xa.

Học quán bốn đại thì bỏ đi địa đại, chỉ quán ba đại kia. Tâm niệm không tán loạn, liền được tự tại, thân không ngăn ngại, như chim bay đi. Lại phải học xa tưởng gần, cho nên chỗ gần mất liền đến chỗ xa.

Lại có thể biến hóa các vật. Như quán địa chủng của cây, trừ các chủng kia thì cây này liền biến thành đất. Vì sao? - Vì cây có thành phần của đất. Nước, lửa, gió, không, vàng bạc, vật báu... thấy đều như vậy. Vì sao? - Vì cây có thành phần của các thứ ấy. Đó là thần thông cơ bản.

Bốn thiền có mười bốn loại tâm biến hóa:

- Sơ thiền có hai: 1- Sơ thiền

2- Dục giới

- Nhị thiên có ba: 1- Nhị thiên
 - 2- Sơ thiên
 - 3- Dục giới
- Tam thiên có bốn: 1- Tam thiên
 - 2- Nhị thiên
 - 3- Sơ thiên
 - 4- Dục giới
- Tứ thiên có năm: 1- Tứ thiên
 - 2- Tam thiên
 - 3- Nhị thiên
 - 4- Sơ thiên
 - 5- Dục giới.

Các thần thông khác như trong luận Đại thừa đã nói.

Đệ tử Thế tôn học tập năm pháp môn, chỉ chỉ cầu Niết-bàn. Có hai hạng người: hoặc người ưa định nhiều vì thích vui vẻ, hoặc người ưa trí nhiều vì sợ họa khổ.

Người định nhiều thì trước học pháp thiên, sau học Niết-bàn.

Người trí nhiều thì thẳng đến Niết-bàn.

Người thẳng đến Niết-bàn mà chưa đoạn phiền não thì cũng chưa đắc thiên, chỉ chuyên tâm không tán loạn, thẳng cầu Niết-bàn, vượt qua các phiền não như ái... gọi đó là Niết-bàn.

Thân thật vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, mà điên đảo cho thân là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì thế cho nên mọi việc đều đắm mền thân. Đó là chúng sanh thấp hèn.

Hành giả muốn phá điên đảo nên tập quán bốn niệm chỉ quán. Quán thân có nhiều thứ họa khổ. Do nhân duyên sanh nên vô thường. Vì nhiều thứ sầu não nên khổ. Thân có ba mươi sáu vật nên bất tịnh. Bởi không tự tại nên vô ngã. Tập quán như vậy, quán trong thân, quán ngoài thân, quán trong và ngoài thân. Tập quán như vậy gọi là thân niệm chỉ.

Tướng thật của thân là như vậy. Vì sao sanh điên đảo, chấp đắm thân này? Suy xét kỹ, bên cạnh cảm giác vui là do yêu thích nên mới đắm trước thân này. Nên quán cảm giác vui thật sự không thể nắm bắt được. Tại sao không phải nhờ ăn mặc đưa đến vui? Vì vui qua thì khổ sanh, nên chẳng phải là cái vui thật. Như bệnh mụn nhọt là khổ, dùng thuốc bôi lên, hết đau là vui. Do cái khổ lớn mà cho cái khổ nhỏ là vui, nên chẳng phải là cái vui thật.

Lại nữa, vì cái khổ cũ là khổ nên cái khổ mới là vui. Như gánh nặng chuyển vai thì cho cái nặng mới là vui, chẳng phải thực sự là cái vui thường hằng vậy. Như tánh của lửa là nóng, chưa từng có lúc lạnh. Nếu là cái vui thật thì đáng lẽ không có cái không vui.

Hỏi:

- Nói rằng: bên ngoài tưởng là việc vui nhưng không hẳn là vui, vì có lúc là nhân vui, có khi là nhân khổ. Nếu như tâm pháp cùng với ái tương ưng thì khi ấy là vui, cùng tương ưng với giận thì khi ấy là khổ, cùng tương ưng với si thì không khổ không vui. Lấy đó mà suy thì có thể biết là có vui hay không vui?

Đáp:

- Không phải vậy. Dâm dục không phải là vui. Vì sao? - Vì dâm dục nếu bên trong thì đâu phải tìm nữ sắc bên ngoài. Do tìm nữ sắc bên ngoài nên biết dâm là khổ. Còn nếu dâm là vui thì phải không có khi chán, mà có lúc chán thì không phải là vui.

Ở trong cái khổ lớn thì cho cái khổ nhỏ là vui. Như người đáng tội chết, tha toàn mạng sống, chỉ đánh đòn thì cho đó là vui. Tâm dục đốt thiêu, hành dục cho là vui. Khi già chán dục thì biết dục chẳng phải vui. Nếu tưởng vui là

thật thì không phải nhàm chán. Các nhân duyên như vậy, hết vui thì khổ, nên tướng vui của dục thật sự không thể nắm bắt được.

Phật dạy: Cảm giác vui nên quán là khổ, cảm giác khổ nên quán là vui, như tên bắn vào thân. Không khổ không vui nên quán sanh diệt vô thường. Đó là thông niệm chỉ.

Nên biết tâm cảm nhận khổ vui và không khổ không vui.

Tâm như thế nào?

- Tâm ấy vô thường, từ nhân duyên sanh, sanh diệt không dừng, tương tự như có, chỉ vì điên đảo cho đó là nhất. Xưa không nay có, có lại hoàn không, thế nên vô thường. Quán biết tâm là không. Thế nào là không? - Từ nhân duyên sanh nên có mắt có cảnh, có thể thấy và nhớ nghĩ. Do ý muốn thấy và các duyên như vậy hòa hợp sanh ra nhãn thức. Như châu Nhựt ái, có mặt trời, có châu, cỏ khô và phân bò, các duyên ấy hòa hợp thì sanh ra lửa; trong mỗi duyên tìm lửa không thể có, duyên hợp sanh lửa, nhãn thức cũng vậy, không ở trong mắt, cũng không ở cảnh vật, cũng không ở khoảng giữa, không có chỗ trụ, cũng không phải không trụ.

Thế nên Phật nói như huyễn như hóa, tâm hiện tại quán tâm quá khứ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, mỗi mỗi tâm đều khác, mỗi mỗi tâm tự diệt; có tâm dục hay không có tâm dục cũng như vậy, mỗi mỗi đều khác, mỗi mỗi tự diệt. Quán trong tâm, quán ngoài tâm, quán trong và ngoài tâm cũng như vậy, gọi là tâm niệm chỉ.

Lại quán tâm thuộc về ai? - Quán tướng, tư duy, nhớ nghĩ, mong muốn... các tâm tương ưng với pháp và không tương ưng với pháp. Quán sát kỹ cái chủ thể mà không thấy được, vì sao? - Vì từ nhân duyên sanh nên vô thường. Do vô thường nên khổ, khổ nên không tự tại, không tự tại nên không có chủ, không có chủ nên là không.

Đoạn trước quán riêng về thân, thống (thọ), tâm, pháp không thể nắm bắt được. Nay lại tổng quán cái chủ thể của bốn niệm chỉ cũng không thể nắm bắt được. Lìa bỏ chỗ này, tìm cầu cũng không thể nắm bắt được. Nếu thường không thể được thì vô thường cũng không thể nắm bắt được. Nếu thường thì phải thường khổ, thường vui, đáng lẽ không mất. Nếu có một thần hồn thường còn thì không có tội giết hại, cũng không có Niết-bàn. Nếu thân là thần hồn thì thân vô thường hoại diệt, thần hồn cũng phải diệt, cũng không

có đời sau, cũng không có tội phước. Quán khắp như vậy, không có chủ, các pháp đều không, không tự tại, nhân duyên hòa hợp nên sanh, nhân duyên tan hoại nên diệt, pháp duyên hợp như vậy gọi là pháp niệm chỉ.

Nếu hành giả đắc pháp niệm chỉ thì nhàm chán thế gian là không, hiện tượng già - bệnh - chết đều không có chút thường - lạc - ngã - tịnh. Ta đối với pháp không này, còn mong cầu cái gì? Cần phải vào Niết-bàn, an trú trong pháp thiện bậc nhất, biết lập sức tinh tấn đắc định sâu xa. Khi đắc định sâu xa thì trụ trong pháp niệm chỉ thứ tư, quán tướng các pháp đều khổ, không vui; không vui là sự thật. Nói khác là nói dối.

Nhân của khổ là ái.v.v... Các phiền não và nghiệp, chẳng phải trời, chẳng phải thời, chẳng phải trần... mà từ trong các sự nói dối phát sanh. Phiền não ấy và nghiệp phát sanh cái khổ này. Khi vào Niết-bàn thì tất cả khổ đều diệt hết, chứ chẳng phải cõi Sắc giới và Vô sắc giới và cái khởi đầu của thế giới (ngoại đạo cho cái ban đầu tạo ra tất cả sự vật là Thế Giới Thi). Các sự dối trá ấy có thể diệt cái khổ này. Chánh kiến... tám đường chơn chánh là đường Niết-bàn, chẳng phải như ngoại đạo hành các khổ hạnh, không trì giới, không thiên định, không trí tuệ, vì sao vậy? - Vì trong Phật pháp hành trì hòa hợp ba pháp: Giới - Định - Tuệ thì mới có thể vào Niết-bàn.

Ví như người đứng chỗ đất bằng cầm cung tên tốt mới có thể bắn chết giặc, hành hòa hợp ba pháp cũng như vậy. Giới là đất bằng, thiên định là cung tốt, trí tuệ là tên nhọn. Ba việc hoàn bị thì có thể giết giặc phiền não. Vì thế cho nên ngoại đạo không đạt được Niết-bàn.

Hành giả khi ấy khởi quán duyên của bốn pháp như tên bắn suốt: Quán khổ có bốn thứ:

- Do nhân duyên sanh nên vô thường.
- Vì thân tâm não loạn nên khổ.
- Vì không gì nắm bắt được nên không.
- Vì không tạo tác, không thọ nhận nên vô ngã.

Quán tập có bốn loại:

- Vì phiền não và nghiệp hữu lậu hòa hiệp nên có tập.

- Quả tương tự phát sanh nên có nhân.
- Do trong đó có tất cả hành nên có sanh.
- Chẳng có quả tương tự liên tục nên có duyên.

Quán tận có bốn loại:

- Vì tất cả phiền não ngăn che nên gọi là bế.
- Do trừ lửa phiền não nên gọi là diệt.
 - Trong tất cả pháp là bậc nhất nên gọi là diệu.
- Vì vượt qua thế gian nên gọi là xuất.

Quán đạo có bốn loại:

- Vì có thể đạt đến Niết-bàn nên gọi là đạo.
- Do không điên đảo nên gọi là chánh.
- Vì tất cả Thánh Nhơn đi trên lối này nên gọi là tích.
- Được thoát khỏi sầu não của thế gian nên gọi là ly.

Quán như vậy thì đặc pháp vô lậu tương tự, gọi là pháp noãn.

Thế nào gọi là noãn? - Vì thường siêng năng tinh tấn nên gọi là noãn. Các phiền não là củi, trí vô lậu là lửa, tương ban đầu khi lửa gần phát cháy gọi là pháp noãn. Ví như dùi cây lấy lửa, ban đầu xuất hiện khói, gọi là noãn.

Đó là tương ban đầu của đạo Niết-bàn.

Đệ tử Phật có hai hạng người:

1- Hạng người phần nhiều ưa nhất tâm cầu thiền định, là người theo đường hữu lậu.

2- Hạng người diệt trừ sự ái trước, thích trí tuệ chân thật là người thẳng đến Niết-bàn, vào trong noãn pháp.

Người có tướng noãn thâm đặc nhất tâm, đạt đến gương thật pháp, gần bên cảnh giới vô lậu. Khi ấy hành giả được đại an ổn. Tự nghĩ: “Ta nhất định sẽ được Niết-bàn”.

Vì thấy được con đường này thì như người đào giếng đến được đất ướt, biết không lâu sẽ được nước.

Như người đánh giặc, giặc lui tan hết, tự biết đắc thắng, trong ý an ổn.

Như người sợ hãi bị chết giặc, muốn biết họ còn sống không thì trước hết thử dùng cây đánh vào thân hoặc chấn mạch mà còn nhảy, thì biết là còn có hơi ấm, chắc chắn có thể sống.

Cũng như người nghe pháp, suy nghĩ trong tâm vui vẻ, khi ấy thì tâm ấm. Vì hành giả có pháp noãn như vậy nên gọi là có noãn, cũng có thể gọi là được phần thiện căn của Niết bàn.

Pháp thiện căn này có mười sáu hạnh duyên tứ đế, là trí tuệ trong sáu địa, là nền tảng của tất cả pháp vô lậu. Người mới được vô lậu có thể bước đi an ổn. Gọi đó là pháp noãn.

Tăng tiến chuyển lên gọi là pháp đánh, như sữa biến thành lạc. Người ấy quán thật tướng của pháp, nghĩa là: “Ta sẽ được thoát khổ”, tâm thích pháp ấy, cho là pháp chân thật, hay trừ mọi thứ đau khổ và già - bệnh - chết. Khi ấy tư duy pháp này ai nói? - Đó là Phật Thế tôn nói. Từ đó được tín tâm thanh tịnh đối với Phật Bảo nên vô cùng hân hoan.

“Nếu không có pháp này thì tất cả phiền não ai có thể ngăn được? Ta phải làm thế nào được chút ít sáng suốt của trí tuệ chân thật”, từ đó được tín tâm thanh tịnh đối với Pháp Bảo nên vô cùng hân hoan.

“Nếu ta không được chúng đệ tử của Phật làm bạn tốt thì làm thế nào được một ít sáng suốt của trí tuệ chân thật”, từ đó được tín tâm thanh tịnh đối với Tăng Bảo nên vô cùng hân hoan, được nhất tâm thanh tịnh, hợp với trí tuệ chân thật trong Tam bảo.

Đây là Đảnh thiện căn, cũng gọi là Đảnh pháp, cũng còn có thể gọi là được phần thiện căn của Niết-bàn. Như trong kinh Na-la-diên nói:

“Đối Phật, Pháp, Tăng bảo

Ai có ít tịnh tín

Gọi là đảnh thiện căn

Các người nhất tâm giữ”.

Thế nào gọi là chút ít lòng tin? - Đối với ranh giới của Phật, Bồ-tát, Bích Chi Phật, A-la-hán là ít, đối với hàng mới được vô lậu là nhiều. Lại nữa, niềm tin này có thể bị phá, có thể bị mất nên gọi là ít. Như Pháp Cú nói:

Chuối trở buồng rồi chết

Tre ra quả cũng chết

Lừa sanh con thì chết Tiểu nơn được ăn, chết

Phá mất chẳng có lợi

Tiểu nơn được danh dự

Phân bạch tịnh mất hết

Đến đảnh pháp còn đọa”.

Lại nữa, vì chưa đoạn hết các kiết sử, chưa được vô lậu, vô lượng tuệ tâm, cho nên gọi là ít.

Lại chuyên cần tinh tấn nhất tâm vào trong đạo Niết-bàn. Lại quán rành rẽ năm âm, bốn đế và mười sáu hạnh. Khi ấy tâm không lui sụt, không hồi hận, không thối lui, ưa thích vào nhẫn, gọi là nhẫn thiện căn.

Nhẫn những gì? - Nương vào bốn đế hành trì thì gọi là nhẫn. Thiện căn này có ba loại: thượng - trung - hạ, ba thời.

Thế nào gọi là Nhẫn? - Quán năm ấm vô thường, khổ, không, vô ngã, tâm nhẫn không thối lui thì gọi là Nhẫn.

Lại quán các thế gian đều là khổ, không, không vui. Nhẫn của khổ ấy là do huân tập các phiền não ái.... Sự huân tập ấy duyên với trí tuệ thì hết, gọi là thượng pháp, không có pháp nào hơn.

Bát chánh đạo có thể đưa hành giả đạt đến Niết-bàn, cũng không có pháp nào hơn. Tín tâm như vậy không hối hận, không nghi ngờ, gọi là nhẫn. Bên trong có nhẫn thì các kiết sử, mọi thứ phiền não, nghi ngờ, hối hận dù có vào trong tâm cũng không thể phá hoại. Ví như núi đá, các thứ như: gió, nước,... không thể làm lay động, trôi giạt, nên gọi là nhẫn.

Được điều ấy thì mới gọi là người ban đầu mới được vô lậu chân thật tốt đẹp. Như trong Pháp Cú, Phật dạy:

“Chánh kiến trên thế giới

Đâu có được mấy người

Cho đến ngàn vạn năm

Trọn không rơi đường ác”

Người chánh kiến trên thế gian này gọi là người Nhẫn thiện căn. Người này tinh tấn nhất tâm, rất nhàm chán hạnh thế gian, muốn hiểu rõ tướng của bốn đế để hướng đến chứng đắc Niết-bàn. Trong nhất tâm như vậy gọi là pháp Đệ nhất thế gian. Khi ấy trụ trong bốn hạnh: vô thường - khổ - không - vô ngã. Quán pháp Nhẫn của một khổ đế cùng với duyên. Vì sao? - Quán năm thọ ấm của Dục giới là vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì trong đó tâm nhẫn nhập vào trí tuệ, cũng là tương ưng với tâm và tâm sở pháp. Gọi là khổ pháp nhẫn.

Thân nghiệp, khẩu nghiệp và tâm không tương ưng với các hành của đời hiện tại, vị lai. Tất cả pháp vô lậu ban đầu gọi là khổ pháp nhẫn.

Lần lượt phát sanh khổ pháp trí, khổ pháp nhẫn, đoạn trừ kiết sử thì chứng đắc khổ pháp trí. Ví như một người buộc, một người cắt, cũng như dao bén chặt trúc, gặp gió thì liền ngã rạp. Nhờ công phu của Nhẫn Trí nên việc này

được thành tựu, thấy được khổ trôi buộc trong Dục giới thì đoạn được mười kiết.

Khi ấy, các trí khác đều đắc trí vô lậu. Tuệ vô lậu chưa đắc thì cũng đắc. Khi đó thành tựu một trí. Trong tâm thứ hai thành tựu Pháp trí, Khổ trí, Đẳng trí. Qua tâm thứ ba và tâm thứ tư thì thành tựu bốn trí: Khổ trí, Pháp trí, Tỷ trí, Đẳng trí.

Trong Pháp trí của tập tận đạo, mỗi mỗi trí tăng thì người ly dục biết Tha tâm trí, thành tựu tăng trưởng Khổ tỷ nhãn, Khổ tỷ trí, đoạn mười tám kiết. Bốn tâm ấy, khổ để có thể đắc.

Tập pháp nhãn, Tập pháp trí thì đoạn bảy kiết trôi buộc của Dục giới.

Tập tỷ nhãn, tập tỷ trí thì đoạn mười ba kiết trôi buộc của Sắc giới và Vô sắc giới.

Tận pháp nhãn, tận pháp trí thì đoạn bảy kiết trôi buộc của Dục giới.

Tận tỷ nhãn, tận tỷ trí thì đoạn mười hai kiết trôi buộc của Sắc giới và Vô sắc giới.

Đạo pháp nhãn, đạo pháp trí thì đoạn tám kiết trôi buộc của Dục giới.

Đạo tỷ nhãn, đạo tỷ trí thì đoạn mười bốn kiết trôi buộc của Sắc, Vô sắc giới.

Đạo tỷ trí gọi là Tu-đà-hoàn, nghĩa là thật biết tướng các pháp, được mười lăm tâm trong mười sáu tâm. Với người lợi căn thì gọi là Tùy pháp hành, với người độn căn thì gọi là Tùy tín hành. Hai hạng người này chưa ly dục, gọi là hướng sơ quả, vì trước đó chưa đoạn kiết sử để đắc mười sáu tâm. Gọi là Tu-đà-hoàn.

Nếu trước đoạn sáu phẩm kiết, được mười sáu tâm thì gọi là Tu-đà-hàm (Nhất lai).

Nếu trước đó đoạn chín phẩm kiết, đắc mười sáu tâm, gọi là A-na-hàm (Bất lai).

Vì trước chưa lìa dục, đoạn sạch tám mươi tám kiết, gọi là Tu-đà-hoàn.

Lại nữa, đặc thiện căn của quả vô lậu thì gọi là Tu-đà hoàn.

Lợi căn gọi là Kiến đắc, độn căn gọi là Tín ái.

Vì chưa đoạn hết tư duy kiết nên còn sanh bảy đời nữa.

Nếu đoạn ba loại tư duy kiết thì gọi là Gia Gia còn sanh ba đời.

Đắc tám phần Thánh đạo trong ba mươi bảy phẩm thì gọi là Lưu hương Niết-bàn, theo đó mà chảy mãi thì gọi là Tu-đà-hoàn.

Đây là đứa con công đức ban đầu của Phật được thoát nẻo ác.

Đoạn ba kiết, làm mỏng ba độc thì gọi là Tu-đà-hàm.

Lại nữa, chín loại kiết ở Dục giới thì do kiến đế và tư duy đoạn. Nếu người phạm phu trước dùng đạo hữu lậu đoạn sáu loại kiết trói buộc của Dục giới thì vào đạo kiến đế, ở trong mười sáu tâm được gọi là Tu-đà-hàm. Nếu đoạn tám loại kiết thì vào đạo kiến đế, đủ mười sáu tâm thì gọi là quả Tu-đà-hàm hướng A-na-hàm.

Nếu đệ tử của Phật đắc Tu-đà-hoàn thì chỉ đoạn ba kiết. Muốn đắc Tu-đà-hàm thì phải đoạn tư duy kiết, đoạn sáu loại kiết trong chín loại kiết trói buộc ở Dục giới thì gọi là Tu-đà-hàm, đoạn tám loại kiết gọi là một loại quả Tu-đà-hàm hướng A-na-hàm.

Nếu người phạm phu trước đoạn chín loại kiết trói buộc ở Dục giới, vào đạo kiến đế, đắc tâm thứ mười sáu thì gọi là A-na-hàm. Nếu muốn tiến lên đắc Tu-đà-hàm thì đoạn ba loại tư duy kiết, đến đạo giải thoát thứ chín thì gọi là A-na-hàm.

A-na-hàm có chín loại:

- A-na-hàm đời hiện tại chắc chắn nhập Niết-bàn.
- A-na-hàm thân trung âm nhập Niết-bàn.
- A-na-hàm đời sau sanh ra rồi nhập Niết-bàn.

- A-na-hàm cần cầu nhập Niết bàn.
- A-na-hàm không cần cầu nhập Niết bàn.
 - A-na-hàm tiến lên các cõi trên nhập Niết bàn.
- A-na-hàm đến trời Sắc cứu cánh nhập Niết bàn.
- A-na-hàm đến định vô sắc nhập Niết bàn.
- A-na-hàm thân chứng A-na-hàm, tu hành hướng đến A-la-hán.

Chín loại kiết của Sắc giới và Vô sắc giới dùng Tam muội Kim cang Vô ngại đạo để phá tất cả kiết.

Tận trí giải thoát đạo thứ chín tu tất cả thiện căn, gọi là quả A-la-hán. A-la-hán có chín loại:

- Thối pháp
- Bất thối pháp
- Tử pháp
- Thủ pháp
- Trụ pháp
- Tắt tri pháp
- Bất hoại pháp
- Tuệ giải thoát
- Cộng giải thoát.

Trí kém, tinh tấn yếu, thực hành năm pháp lui sụt thì gọi là Thối pháp.

Trí huệ sắc bén, thực hành siêng năng năm pháp không lui thì gọi là Bất thối pháp.

Trí tuệ chậm lụt, tinh tấn yếu kém, nhầm chán tư duy, tự giết mình thì gọi là Tử pháp.

Trí kém nhưng tinh tấn mạnh mẽ, tự bảo vệ thân thì gọi là Thủ pháp.

Trí tuệ và tinh tấn bậc trung, không tăng không giảm, trụ ở mức ấy thì gọi là Trụ pháp.

Trí ít sắc bén, chuyên cần tinh tấn, có thể đắc bất hoại tâm giải thoát thì gọi là Tất tri pháp.

Trí tuệ sắc bén, tinh tấn mạnh mẽ mới đắc tâm bất hoại giải thoát thì gọi là Bất hoại pháp.

Không thể nhập vào các thiền, chưa đến địa vị hết các lậu thì gọi là Tuệ giải thoát.

Đắc các thiền, cũng đắc Diệt thiền (Diệt tận định), các lậu hết thì gọi là Cộng giải thoát.

Có A-la-hán đối với tất cả pháp hữu vi thường nhầm chán, lại không mong cầu công đức, đợi thời để nhập Niết-bàn.

Có A-la-hán cầu bốn thiền, bốn định vô sắc, bốn đẳng tâm, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười nhất thiết nhập, chín thứ đệ định, sáu thân thông, nguyện trí, A-lan-nhã-na tam muội (Vô tránh tam muội), Siêu việt tam muội, huân thiền, ba giải thoát môn và phóng xả. Lại trụ vào trí sắc bén, chuyên cần tinh tấn, nhập vào công đức của các thiền như vậy thì gọi là đắc Bất thối pháp bất hoại pháp.

Nếu khi không có Phật ra đời, không có pháp Phật và không có đệ tử của Phật, khi ấy bậc ly dục Bích Chi Phật ra đời.

Bích Chi Phật có ba hạng: thượng - trung - hạ. - Bậc hạ: vốn đã đắc Tu-đà-hoàn hoặc Tư-đà-hàm. Tu-đà-hoàn này còn sanh trong nhân gian bảy lần, khi ấy không có Phật pháp, không được làm đệ tử, lại không cần sanh đến đời thứ tám. Khi ấy chứng Bích Chi Phật. Nếu là Tư-đà-hàm thì còn sanh ở nhân gian hai lần, khi ấy không có Phật pháp, không được làm đệ tử, lại không cần sanh đến lần thứ ba. Lúc đó chứng Bích Chi Phật.

- Có người nguyện làm Bích Chi Phật, khi gieo thiện căn Bích Chi Phật không có thiện căn Phật pháp thuần thực, khi ấy chán đời nên xuất gia đắc đạo, gọi là Bích Chi Phật. Đó gọi là Bích Chi Phật bậc trung.

- Có người cầu Phật đạo, dùng sức trí, sức tinh tấn, ít gặp nhân duyên thối lui (như Xá Lợi Phất). Khi ấy, Phật không ra đời, không có Phật pháp, cũng không có đệ tử (Phật) mà thiện căn thuần thực nên chứng Bích Chi Phật. Có tướng tốt hoặc nhiều hoặc ít, chán đời xuất gia đắc đạo, đó gọi là Bích Chi Phật bậc thượng.

Đối với các pháp, trí tuệ hiểu cạn thì gọi là A-la-hán.

Hiểu ở bậc trung thì gọi là Bích Chi Phật.

Hiểu sâu gọi là Phật.

Như từ xa thấy cây mà không phân biệt được cành, gần hơn thì có thể phân biệt cành mà không thể phân biệt hoa lá. Đến dưới cây mới có thể phân biệt biết cành lá, hoa quả của cây. Hàng Thanh văn thì có thể biết tất cả các hành là vô thường, tất cả các pháp là vô chủ, chỉ có Niết-bàn là an ổn.

Hàng Thanh văn hay quán như vậy mà không thể phân biệt vào sâu và biết sâu.

Bích Chi Phật có thể phân biệt chút ít mà không thể vào sâu và biết sâu.

Phật biết các pháp, phân biệt thấu suốt, vào sâu và biết sâu vậy.

Như vua nước Ba La Nại, lúc mùa Hạ nóng nực ngồi trên giường bằng bảy báu, ở trên lầu cao, bảo thể nữ thoa hương ngưu đầu chiên đàn vào thân. Thể nữ tay đeo nhiều vòng vàng, khi thoa vào thân vua, tiếng vòng kêu vang, vua nghe rất sợ, bảo lần lượt cởi ra, vòng ít thì tiếng kêu nhỏ, chỉ còn một chiếc thì tiếng lặng im lìm. Khi ấy, vua giác ngộ, nói:

- Quốc gia, thần dân, cung nhơn, thể nữ,... hễ nhiều việc thì lo nhiều, cũng lại như vậy.

Ngay khi ấy, vua lìa dục, ở một mình tư duy, đắc Bích Chi Phật, râu tóc tự rụng, mặc y tự nhiên, rời khỏi lầu các, dùng sức thần túc vào núi xuất gia.

Nhân duyên như thế là Bích Chi Phật bậc trung vậy.

Nếu hành giả cầu Phật đạo, nhập thiền thì trước phải buộc tâm chuyên chú, niệm sanh thân của mười phương ba đời chư Phật. Đừng niệm đất, nước, lửa, gió, núi, cây, cỏ, chớ nghĩ các loại hữu hình và tất cả các pháp khác trong trời đất. Chỉ niệm sanh thân chư Phật ở tại hư không. Như núi Tu Di Kim Sơn Vương ở giữa biển lớn, như ánh lửa lớn trong đêm tối, như cờ bầy báu trong đại hội bồ thí.

Thân Phật như vậy có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, thường phóng ra vô lượng tướng ánh sáng màu xanh thanh tịnh ở trong không. Thường nghĩ tướng thân Phật như vậy, hành giả liền được mười phương ba đời chư Phật ngay nơi tâm, trước mắt đều thấy tất cả. Nếu tâm duyên chỗ khác liền thu nhiếp trở về trụ niệm ở thân Phật. Bây giờ liền thấy ba trăm ngàn vạn vạn ức vô lượng chư Phật ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn bên, trên dưới cũng thấy như vậy. Thấy tất cả Phật tùy theo phương mà hành giả nghĩ đến.

Như người ban đêm nhìn sao, thấy trăm ngàn vô lượng sao, Bồ-tát đắc tam muội này thì trừ tội sâu dày trong vô lượng kiếp, làm mỏng đi; còn tội mỏng thì làm cho diệt hết. Đắc tam muội ấy rồi thì nên niệm vô lượng đủ loại công đức của Phật, như là Nhất thiết trí, Nhất thiết giải, Nhất thiết kiến, Nhất thiết đức.v.v... thì đắc đại từ, đại bi, tự tại. Từ khi mới ra khỏi màng vô minh, được bốn vô úy, năm căn, mười lực, mười tám pháp bất cộng thì hay trừ vô lượng khổ, cứu khỏi cái sợ già - chết, được Niết-bàn thường lạc.

Phật có vô lượng những thứ công đức như thế. Khởi niệm ấy rồi, tự phát nguyện rằng: “Lúc nào ta được thân Phật thì công đức vôi vọi như Phật”.

Lại phát thệ lớn: “Tất cả phước quá khứ, tất cả phước hiện tại đều đem cầu Phật đạo, không cầu mong quả nào khác”.

Lại nghĩ như vậy: “Tất cả chúng sanh rất đáng thương xót. Công đức thân chư Phật vôi vọi như vậy, chúng sanh vì sao lại cầu nghiệp khác mà không cầu làm Phật? Ví như đứa con mù lòa nhà phú quý bị rơi vào hố thẳm, đói khổ cùng cực, ăn phân ăn đất. Cha rất thương xót mới tìm phương cách bỏ xuống hố sâu những thức ăn ngon”.

Hành giả nghĩ rằng: “Phật có hai thân công đức cam lồ như vậy, mà các chúng sanh rơi xuống hố thẳm sanh tử, ăn các thứ bất tịnh. Dùng tâm đại bi, ta sẽ cứu giúp tất cả chúng sanh, làm cho họ đắc Phật đạo, vượt qua bờ sanh tử, lấy các công đức pháp vị của Phật ban cho, thấy đều no đủ. Tất cả Phật pháp, nguyện cho họ đều được nghe, tụng trì, thưa hỏi, quán xét, thực hành, đắc quả, làm thêm bậc cho họ”.

Lập thế trọng đại, mặc giáp ba nguyện, ngoài phá chúng ma, trong đánh giặc kiết sử, thẳng tiến không lui. Ba nguyện như vậy, so với vô lượng thế nguyện đều ở trong nguyện ấy.

Vì độ chúng sanh được thành Phật đạo nên niệm như vậy, nguyện như vậy, đó là Bồ tát niệm Phật tam muội.

Người hành đạo Bồ tát, đối với ba độc nếu dâm dục nhiều thì trước tự quán thân: xương, thịt, da ngoài, gân, mạch, máu chảy, gan, phổi, ruột, bao tử, phân, nước tiểu, nước mắt, nước miếng... ba mươi sáu vật, chín phép quán bất tịnh chuyên tâm trong phép quán không nghĩ bên ngoài, nghĩ các duyên ngoài liền thu nhiếp trở về.

Như người cầm đuốc vào kho ngũ cốc, phân biệt từng loại: đậu, lúa tẻ, lúa... không thứ nào mà không biết rõ.

Lại quán sáu phần của thân: phần cứng là đất, phần ướt là nước, phần nóng là lửa, phần động là gió, phần lỗ trống là không, phần hiểu biết là thức. Cũng như giết trâu, phân làm sáu phần: mình, đầu, tứ chi... mỗi thứ khác nhau.

Thân có chín lỗ, thường chảy bất tịnh, túi da đầy phân, thường quán như vậy, không nghĩ gì khác. Hễ nghĩ các duyên ngoài liền thu nhiếp trở về. Nếu được nhất tâm thì ý sanh nhằm chán, mong lìa bỏ thân này, muốn cho mau hủy diệt, sớm vào Niết-bàn.

Khi ấy nên phát đại từ đại bi, đem công đức lớn cứu vớt chúng sanh, hưng khởi ba nguyện trước:

“Vì các chúng sanh không biết bất tịnh nên mới tạo các tội như nhớp. Ta sẽ cứu vớt họ để ở đất cam lồ.

Lại nữa, chúng sanh trong Dục giới đắm trước bất tịnh, như chó ăn phân, ta sẽ độ thoát họ, đưa đến đạo thanh tịnh.

Lại nữa, ta sẽ cầu học thật tướng các pháp không hữu thường, không vô thường, chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh, ta tại sao phải đắm trước bất tịnh này?

Quán bất tịnh biết từ nhân duyên sanh, như ngã và pháp phải cầu tướng chân thật. Tại sao nhàm chán bất tịnh trong thân này mà giữ lấy Niết-bàn?

Phải như voi lớn vượt dòng nước chảy đến tận cội nguồn, đắc thật tướng của pháp mới nhập Niết-bàn, đầu thể như khí, vượn, thỏ... sợ dòng chảy mà chạy thoát thân?

Ta nay phải học như pháp Bồ tát, thực hành pháp quán bất tịnh, trừ bỏ dâm dục, giáo hóa khắp chúng sanh, làm cho họ lìa họa của dục, không bị quán bất tịnh làm chìm đắm”.

Lại nữa, đã quán bất tịnh thì nhàm chán sanh tử. Nên quán tịnh môn, buộc tâm ba chỗ: sống mũi, giữa chặ̣n mày và trên trán. Nên tưởng ngay nơi đó mở một tác da, dẹp sạch máu thịt, buộc tâm tưởng xương trắng, không cho nghĩ bên ngoài. Hễ nghĩ các duyên ngoài liền thu nhiếp trở về, buộc một trong ba duyên ấy, thường tranh đấu với tâm vọng.

Như hai người đánh nhau, hành giả nếu thắng được tâm thì không cần chế phục nó, để nó tự an trụ mới gọi là nhất tâm. Nếu vì nhàm chán mà sanh tâm đại bi, nghĩ thương chúng sanh, vì cái xương rỗng không này mà xa lìa Niết-bàn vào ba nẻo ác, thì ta phải gắng sức tạo các công đức, giáo hóa chúng sanh làm cho họ hiểu tướng thân rỗng không, xương nhò da che đậy, tích tụ bất tịnh. Vì chúng sanh nên lần lượt phân biệt tướng các pháp này. Hễ có chút ít tướng tịnh thì tâm sanh đắm mến, nhiều tướng bất tịnh thì tâm sanh nhàm chán. Có ra khỏi pháp tướng thì mới sanh thật pháp. Trong thật tướng các pháp không tịnh, không bất tịnh, cũng không bế tắc, không thoát ra.

Quán các pháp không thể hoại, không thể lay động. gọi là thật tướng các pháp.

Người hành đạo Bồ tát, nếu sân hận nhiều thì nên thực hành tâm Từ, niệm chúng sanh ở phương Đông với tâm từ thanh tịnh, không oán không giận, rộng lớn vô lượng. Thấy các chúng sanh đều ở trước mắt. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn bên, trên dưới cũng lại như vậy, giữ tâm hành

Từ không cho nghĩ bên ngoài. Hễ nghĩ duyên khác bên ngoài thì thu nhiếp trở về. Giữ tâm mắt quán tất cả chúng sanh thấy họ rõ ràng đều ở trước mắt.

Nếu được nhất tâm thì nên phát nguyện rằng: “Ta dùng pháp thanh tịnh chân thật Niết-bàn, độ thoát chúng sanh, khiến họ được niềm vui chân thật, hành từ tam muội, tâm như thế là đạo Bồ tát. Trụ vào Từ tam muội để quán thật tướng các pháp thanh tịnh không hoại diệt, không lay động, nguyện cho chúng sanh được pháp lợi này. Dùng Từ tam muội này niệm tất cả chúng sanh ở phương Đông, khiến họ được niềm vui của Phật, mười phương cũng thế, tâm không rối loạn. Đó là pháp môn Từ tam muội của Bồ tát.

Hỏi:

- Tại sao không cùng một lúc niệm hết chúng sanh trong mười phương?

Đáp:

- Vì trước niệm một phương dễ được nhất tâm, sau đó lần lượt niệm hết các phương.

Hỏi:

- Người có oan gia thường muốn gây hại, thì tại sao hành Từ muốn làm cho họ vui?

Đáp:

- Từ là pháp của tâm, phát xuất từ tâm, trước tiên từ thân thuộc mà phát triển, lớn mạnh dần dần đến kẻ oán. Như lửa thiêu củi, càng cháy mạnh thì có thể đốt các thứ ẩm ướt.

Hỏi:

- Lúc chúng sanh gặp các thứ khổ hoặc ở trong loài người, hoặc trong địa ngục, Bồ tát tuy có lòng từ nhưng chúng sanh kia làm sao được vui?

Đáp:

- Trước từ nơi người vui, giữ tướng vui ấy khiến người khổ này được cái vui như người kia. Như tướng bại trận, sợ khiếp đảm nên thấy người bên địch ai cũng là dũng sĩ.

Hỏi:

- Hành từ tam muội có lợi ích gì?

Đáp:

- Hành giả tự nghĩ: lìa thế tục xuất gia thì nên hành tâm Từ. Lại tư duy rằng: Ân của tín thí thì nên làm việc lợi ích. Như Phật đã dạy: “Khoảnh khắc hành Từ là thuận theo lời Phật dạy, người vào đạo mới không uổng của tín thí”.

Lại nữa, thân mặc áo hoại sắc, tâm không nên nhiễm trước, mà sức từ tam muội có thể khiến cho không nhiễm trước.

Lại nữa, tâm ta hành từ để phá thế pháp. Ta có như pháp trong chúng phi pháp. Ta có như pháp, biết pháp vô não, nhờ sức định của Từ nên Bồ tát hành đạo hướng đến cửa cam lồ.

Các thứ phiền não thì thiêu đốt, còn Từ thì mát mẻ an vui.

Như Phật nói: “Người khi nóng bức vào ao mát mẻ thì an vui”.

Lại nữa, mặc giáp Đại từ thì ngăn được tên phiền não.

Từ là thuốc pháp, tiêu độc oán kết.

Phiền não đốt tâm, Từ có thể trừ diệt.

Từ là thang pháp lên đài giải thoát.

Từ là thuyền pháp vượt biển sanh tử.

Cầu của thiện pháp, từ là của báu tối thượng.

Đi đến Niết bàn, từ là lương thực đi đường.

Từ là chân mạnh mẽ tiến vào Niết-bàn.

Từ là mãnh tướng vượt ba nẻo ác.

Người hay hành từ, hàng phục diệt trừ các ác, chư thiên thiện thần thường theo ủng hộ.

Hỏi:

- Nếu khi hành giả đắc Từ tam muội, làm thế nào để không mất mà còn tăng trưởng?

Đáp:

- Học giới thanh tịnh, tin chắc vào niềm vui, học các thiện định, nhất tâm trí tuệ, ưa nơi thanh vắng, thường không phóng dật, ít muốn, biết đủ, thực hành theo Từ, tiết chế thân, ăn ít, bớt ngủ, đầu đêm cuối đêm tư duy không bê trễ, dè dặt lời nói, lặng lẽ giữ an tịnh, ngồi nằm đi đứng biết thời uyển chuyển, không cho thái quá đưa đến khổ nhọc, điều hòa nóng lạnh không để sanh phiền não. Đó là tăng ích cho Từ..

Lại nữa, lấy niềm vui của Phật đạo, niềm vui của Niết-bàn ban cho mọi người, gọi đó là đại từ.

Hành giả tư duy: “Hiện tại, vị lai Bồ tát hành Từ lợi ích tất cả, ta cũng được cứu giúp. Đó là vị thần hiền lành giúp ta. Ta sẽ hành Từ để báo đáp ân ấy”.

Lại nghĩ: “Tâm từ của Bồ tát thường nghĩ đến tất cả, lấy đó làm vui. Ta cũng sẽ như vậy, nghĩ đến chúng sanh ấy khiến được niềm vui của Phật, là niềm vui của Niết-bàn”. Đó là báo ân.

Lại nữa, từ lực hay khiến tất cả tâm được vui thích. Thân lìa sự thiêu đốt của phiền não mà được cái vui mát mẻ, giữ gìn thực hành phước của từ, nghĩ đến sự an ổn của tất cả để báo đáp ân ấy.

Lại nữa, Từ có những thiện lợi: đoạn trừ sân hận, mở cửa tiếng tốt, là thí chủ, là ruộng tốt, là nhân sanh Phạm thiên, trụ chỗ ly dục, trừ bỏ oán đối và gốc đầu tranh, chư Phật tán thán, người trí kính mến, hay giữ tịnh giới, sanh trí tuệ sáng suốt, hay nghe pháp lợi, công đức đề hồ, quyết định là người tốt, là sức mạnh của người xuất gia, tiêu diệt các ác. Kẻ ác mạ nhục, dùng từ đáp lại, có thể hàng phục, tụ họp sự vui vẻ, sanh pháp tinh tấn, là cội gốc của phú

quý, hoàn thành ngôi nhà trí tuệ, là kho thành tín, là cửa của các thiện pháp, là pháp đến danh dự, là cội gốc của sự cung kính, là đạo chơn chánh của Phật. Nếu người đem sự ác độc đến thì trở lại tự nhận lấy tai ương.

Lời nói ác có năm loại:

- Nói không đúng lúc.
- Nói không đúng sự thật.
- Nói không lợi ích.
- Nói chẳng từ bi.
- Nói không nhu hòa.

Năm lời nói ác này không thể làm khuynh động. Tất cả sự độc hại cũng không thể làm thương tổn. Ví như lửa nhỏ không thể đốt biển lớn.

Như trong kinh Tỳ La, phẩm Ưu Điền Vương A Bà Đà Na có chép:

Có hai phu nhân: một tên Vô Tỷ, một tên Xá Mê Bà Đế. Vô Tỷ phỉ báng Xá Mê Bà Đế, Xá Mê Bà Đế có năm trăm người hầu. Vua dùng năm trăm mũi tên muốn bắn chết hết, Xá Mê Bà Đế bảo với các người hầu:

- Hãy đứng phía sau ta.

Khi ấy Xá Mê Bà Đế nhập Từ tam muội. Vua giương cung bắn, tên rớt dưới chân; mũi tên thứ hai bay trở lại đến dưới chân vua, vua rất kinh sợ, nhưng lại muốn phóng tên. Xá Mê Bà Đế bảo với vua: “Hãy dừng lại! Hãy dừng lại! Vì nghĩa vợ chồng nên tôi mới nói: nếu bắn mũi tên này thì sẽ đi thẳng vào tim ông”.

Lúc ấy vua sợ hãi, ném cung, bỏ tên và hỏi:

Ngươi có phép thuật gì?

Đáp: “Tôi không có thuật gì lạ. Tôi là đệ tử của Phật, nhập vào Từ tam muội nên mới như vậy”.

Từ tam muội này lược nói có ba loại duyên: sanh duyên, pháp duyên, vô duyên.

Người chưa đắc đạo gọi là sanh duyên.

A-la-hán, Bích Chi Phật gọi là pháp duyên.

Chư Phật Thế tôn gọi là vô duyên.

Đó là lược nói pháp môn Từ tam muội.

Người hành đạo Bồ tát, đối với ba độc, nếu nặng về ngu si thì nên quán mười hai phần (mười hai phần duyên) để phá hai loại si: Bên trong thì phá thân si, bên ngoài thì phá chúng sanh si. Tư duy rằng: “Ta và chúng sanh đồng ở trong ách nạn, thường sanh, thường già, thường bệnh, thường chết, thường hoại diệt, thường tan rã. Chúng sanh thật đáng thương, không biết lối thoát thì làm sao thoát được?”.

Nhất tâm tư duy: sanh - già - bệnh - chết từ nhân duyên sanh. Lại nên tư duy nhân duyên sanh thế nào? Nhất tâm tư duy: sanh do duyên hữu, hữu do duyên thủ, thủ do duyên ái, ái do duyên thọ, thọ do duyên xúc, xúc do duyên lục nhập, lục nhập do duyên danh sắc, danh sắc do duyên thức, thức do duyên hành, hành do duyên vô minh.

Như thế lại tư duy: Phải dùng nhân duyên nào diệt sanh già và chết? Nhất tâm tư duy: do sanh diệt nên già chết diệt, hữu diệt nên sanh diệt, thủ diệt nên hữu diệt, ái diệt nên thủ diệt, thọ diệt nên ái diệt, xúc diệt nên thọ diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, hành diệt nên thức diệt, si (vô minh) diệt nên hành diệt.

Trong mười hai phần này như thế nào?

- Phần vô minh:

Không biết trước, không biết sau, không biết trước sau.

Không biết trong, không biết ngoài, không biết trong ngoài.

Không biết Phật, không biết Pháp, không biết Tăng.

Không biết khổ, không biết tập, không biết tận, không biết đạo.

Không biết nghiệp, không biết quả, không biết nghiệp quả.

Không biết nhân, không biết duyên, không biết nhân duyên.

Không biết tội, không biết phước, không biết tội phước.

Không biết thiện, không biết bất thiện, không biết thiện bất thiện.

Không biết pháp có tội, không biết pháp không tội,.

Không biết pháp nên gần, không biết pháp nên xa.

Không biết pháp hữu lậu, không biết pháp vô lậu.

Không biết pháp thế gian, không biết pháp xuất thế gian.

Không biết pháp quá khứ, không biết pháp vị lai, không biết pháp hiện tại.

Không biết pháp đen, không biết pháp trắng.

Không biết phân biệt pháp nhân duyên.

Không biết pháp lục xúc.

Không biết pháp thật chứng....

Các thứ như thế không biết, không tuệ, không thấy, tối tăm, không sáng, gọi là Vô minh.

Vô minh duyên hành. Thế nào gọi là hành?

- Hành có ba loại: thân hành, khẩu hành, ý hành.

Thế nào là thân hành? - Hơi thở vào ra là pháp của thân hành. Vì sao? - Vì pháp ấy thuộc về thân nên gọi là thân hành.

Thế nào là khẩu hành? - Có giác, có quán. Khởi giác quán rồi sau đó miệng mới nói. Nếu không có giác quán thì không có lời nói. Đó là khẩu hành.

Thế nào là ý hành? - Thống tướng là pháp của ý. Vì thuộc về ý nên gọi là ý hành.

Lại nữa, hành thuộc Dục giới, hành thuộc Sắc giới, hành thuộc Vô sắc giới.

Lại có thiện hành, bất thiện hành, bất động hành.

Thế nào là thiện hành? - Là tất cả thiện hành của Dục giới, cũng như ba địa của Sắc giới.

Thế nào là bất thiện hành? - Là các pháp bất thiện.

Thế nào là bất động hành? - Là thiện hành hữu lậu của Tứ thiên và thiện hành hữu lậu của Định vô sắc, gọi là hành.

Nhân hành duyên thức. Thế nào gọi là thức? - Là sáu loại thức giới: từ nhãn thức cho đến ý thức. Đó gọi là sáu thức.

Nhân thức duyên danh sắc. Thế nào gọi là danh? - Bốn phần vô sắc: thống - tướng - hành - thức, gọi là danh.

Thế nào gọi là sắc? - Là tất cả sắc: bốn đại và tạo sắc, gọi là sắc.

Thế nào là bốn đại? - Là địa, thủy, hỏa, phong.

Thế nào là địa? - Là tướng cứng chắc, nặng nề.

Tướng ẩm ướt là thủy.

Tướng nóng bức là hỏa.

Tướng nhẹ, động là phong.

Ngoài sắc có thể thấy, có đối, không đối gọi là tạo sắc. Danh và sắc hòa hợp nên gọi là danh sắc.

Nhân danh sắc duyên lục nhập. Thế nào là lục nhập? - Bên trong có sáu nhập: từ nhãn nhập cho đến ý nhập, gọi là lục nhập.

Nhân lục nhập duyên xúc. Thế nào gọi là xúc? - Là sáu loại xúc giới: nhãn xúc cho đến ý xúc.

Thế nào là nhãn xúc? - Nhãn duyên sắc, sanh nhãn thức. Ba pháp hòa hiệp gọi là nhãn xúc,... cho đến ý xúc cũng như vậy.

Nhân xúc duyên thọ. Thế nào là thọ? - Có ba loại thọ: thọ vui, thọ khổ, thọ không vui không khổ.

Thế nào là thọ vui? - Là sự sai khiến của ái.

Thế nào là thọ khổ? - Là sự sai sử của giận.

Thế nào là thọ không khổ không vui? - Là sự thúc giục của si.

Lại nữa, thọ vui sanh vui, trụ vui diệt khổ. Thọ khổ thì sanh khổ, trụ khổ thì hết vui. Thọ không khổ không vui là không biết khổ, không biết vui.

Nhân thọ duyên ái. Thế nào là ái? - Mắt tiếp xúc với sắc, sanh đắm mến, cho đến ý tiếp xúc với pháp sanh đắm mến.

Nhân ái duyên thủ. Thế nào là thủ? - Dục thủ, kiến thủ, giới thủ. Ta nói là thủ.

Nhân thủ duyên hữu. Thế nào là hữu? - Hữu có ba loại: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Dưới từ A Tỳ Đại Nê Lê, trên đến trời Tha Hóa Tự Tại, gọi là Dục hữu, đều hay tạo nghiệp.

Thế nào là Sắc hữu? - Từ cõi trời Phạm Thế lên đến trời A Ca Nị Trá, gọi là Sắc hữu.

Thế nào là Vô sắc hữu? - Từ hư không cho đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, gọi là Vô sắc hữu.

Nhân hữu duyên sanh. Thế nào là sanh? - Các loài chúng sanh, sanh ra ở đâu đều có thọ ẩm, được gìn giữ, được thọ nhận, được mạng sống, gọi là sanh.

Nhân sanh duyên lão tử. Thế nào là lão? - Răng rụng, tóc bạc, mặt nhiều nếp nhăn, các căn suy kém hư hỏng, khí nghẹn tắc, lưng còm, chóng gậy mà đi. Vì thân âm suy yếu nên gọi là lão (già).

Thế nào là chết? - Tất cả chúng sanh ở đâu cũng đều đi đến chỗ hoại diệt. Dứt hết thọ mạng gọi là chết. Vì trước già sau chết nên gọi là già chết.

Trong mười hai nhân duyên này, tất cả thế gian đều thuộc ranh giới của nhân duyên, chẳng thuộc ranh giới của trời, chẳng thuộc ranh giới của người, chẳng thuộc ranh giới của các tà duyên mà xuất hiện.

Bồ tát quán mười hai nhân duyên, buộc tâm bất động, không nghĩ bên ngoài, hễ nghĩ các duyên ngoài liền thu nhiếp trở về. Quán mười hai phần, trong ba đời: đời trước, đời này, đời sau. Bồ tát nếu tâm được an trú thì nên quán mười hai phần rộng không, không có chủ. Si nên không biết việc làm của mình, không biết hành động của mình từ si mà có. Chỉ vì duyên với vô minh nên hành sanh. Như hạt giống của thảo mộc từ mầm hạt mà ra. Hạt cũng không biết ta sanh ra từ mầm, mầm cũng không biết từ hạt mà có... Cho đến lão tử cũng lại như vậy.

Trong mười hai phần này, mỗi mỗi đều quán biết vô chủ, không ngã, như thảo mộc vô chủ, chỉ từ hiểu biết điên đảo mà có tôi ta.

Hỏi:

- Nếu không có tôi ta, không chủ, không tạo tác thì tại sao xưa nay nói chết đây sanh kia?

Đáp:

- Tuy không có tôi ta nhưng sáu tình làm nhân, sáu trần làm duyên, trong đó sanh ra sáu thức. Do ba việc hòa hợp nên xúc pháp sanh mà nghĩ biết các nghiệp. Do đó xưa nay nói từ đó mà có sanh tử. Ví như viên ngọc Nhựt ái, nhờ phương tiện hòa hợp với mặt trời và phân bố khô nên phát ra lửa.

Ngũ ấm cũng vậy, do năm ấm đời này sanh nên mới sanh năm ấm đời sau. Chẳng phải năm ấm đời này đến đời sau. Cũng không lia năm ấm đời này mà có năm ấm đời sau. Năm ấm chỉ từ nhân duyên sanh ra. Ví như mầm sanh ra từ hạt lúa, hạt lúa cũng chẳng phải mầm, cũng chẳng ngoài mầm mà có; chẳng phải khác, chẳng phải một.

Có thân đời sau cũng vậy. Ví như cây chưa có cành, nhánh, lá, hoa, quả, gặp nhân duyên thời tiết thì hoa lá đầy đủ. Quả báo của nghiệp thiện ác cũng lại

như vậy. Do chủng tử hoại nên chẳng phải thường, chẳng phải một. Do mầm, nhánh, lá sanh trưởng nên không phải đoạn, không phải khác. Chết sống liên tục cũng lại như vậy.

Hành giả biết các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, tự sanh tự diệt, biết do Ái mà có. Biết nhân diệt là Tận, biết Tận là Đạo. Dùng bốn loại trí biết mười hai phần là đạo chánh kiến. Chúng sanh vì đắm trước nên bị điên cuồng. Như người có bảo châu vô giá mà không biết đó là bảo châu thật, nên bị người lừa bịp.

Bấy giờ, Bồ tát phát tâm đại bi: “Ta sẽ làm Phật đem pháp chơn chánh giáo hóa chúng sanh kia, làm cho họ thấy đạo chơn chánh”.

Hỏi:

- Như trong kinh Bát-nhã Ba la mật của Đại thừa nói: Các pháp không sanh không diệt, rỗng không, không sở hữu, một tướng không tướng, gọi là chánh kiến. Thế nào nói là quán vô thường.v.v... gọi là chánh kiến?

Đáp:

- Nếu trong Đại thừa nói các pháp không, vô tướng, thì vì sao nói vô thường, khổ, không.v.v... là không thật? Nếu nói không sanh, không diệt, rỗng không đó là thật tướng thì không nên nói vô tướng. Ông nói trước sau chẳng hợp nhau.

Lại nữa, Phật nói bốn điên đảo, ở trong vô thường thì thường điên đảo, cũng có đạo lý: Tất cả hữu vi vô thường. Vì sao? - Vì nhân duyên sanh vậy. Nhân vô thường, duyên vô thường sanh ra quả thì làm sao thường được? Trước không mà nay có, có rồi liền không, tất cả chúng sanh đều thấy vô thường. Bên trong thì già - bệnh - chết, bên ngoài thấy vạn vật điêu tàn thì tại sao nói vô thường là không thật?!

Hỏi:

- Tôi không nói hữu thường là thật, vô thường là không thật, mà tôi nói hữu thường vô thường đều không thật. Vì Phật nói trong không thì hữu thường, vô thường hai việc không thể nắm bắt được. Nếu chấp trước hai việc này thì đều là điên đảo?

Đáp:

- Ông nói không hợp với pháp. Vì sao? - Vì nói không pháp thì tại sao nói cả hai đều điên đảo. Tất cả là không, không sở hữu, đó mới thật là không điên đảo. Nếu ta đã phá hữu thường thì chấp vô thường. Ngã và pháp cần phải phá vì không có thật ngã. Phá sự điên đảo của hữu thường thì nên quán vô thường. Vì sao? - Vì sức của vô thường hay phá hữu thường. Như độc hay phá độc. Như thuốc trừ bệnh, bệnh hết, thuốc cũng bỏ. Nên biết, thuốc hay thì hay trừ bệnh. Nếu không bỏ thuốc thì thuốc là bệnh.

Đây cũng như vậy, nếu chấp trước pháp vô thường thì nên phá vì là không thật. Ta không nhận pháp vô thường thì tại sao phải phá?

Phật nói: “Khổ trong bốn chân đế này là khổ thật, ai có thể khiến cho vui được? Nhân khổ là nhân thật, ai có thể làm cho chẳng phải nhân? Tận khổ là tận thật, ai có thể làm cho không tận? Đạo tận là đạo thật, ai có thể khiến cho chẳng phải đạo? Như mặt trời, hoặc có thể làm cho lạnh đi, mặt trăng có thể làm cho nóng lên, gió có thể làm cho bất động nhưng bốn chân đế này thì không bao giờ có thể lay chuyển được”.

Ông đối với Đại thừa không thể hiểu được mà chỉ chấp trước tiếng nói. Trong Đại thừa, tướng thật của các pháp, tướng thật ấy không thể phá, không có tác giả. Nếu có thể phá, có thể tạo thì đây chẳng phải Đại thừa. Như trăng non một hai ngày đầu, khi nó mới xuất hiện thì rất là mờ (vi tế). Người có mắt sáng mới có thể thấy, lấy tay chỉ cho người không thấy. Người không thấy này chỉ thấy ngón tay mà không thấy mặt trăng. Người sáng mắt trách: “Anh ngu, tại sao chỉ nhìn ngón tay của tôi? Ngón tay là để chỉ mặt trăng, ngón tay đâu phải là mặt trăng!”. Ông cũng như vậy, lời nói chẳng phải là thật tướng mà là lời hư dối, chỉ để phô diễn thật lý, ông lại chấp trước lời nói, che ám thật tướng.

Hành giả nếu được chánh kiến như thế thì quán mười hai phần hòa hiệp là hai phần nhân quả:

Khi là quả thì mười hai phần là Khổ đế.

Khi là nhân thì mười hai phần là Tập đế.

Nhân diệt là Tận đế.

Thấy nhân quả tận là Đạo đế.

Bốn pháp quán quả: vô thường, khổ, không, vô ngã.

Bốn pháp quán nhân: Tập, nhân, duyên, sanh.

Hỏi:

- Quả có bốn pháp mà chỉ gọi khổ là Khổ đế, còn các pháp kia không có tên đế?

Đáp:

- Nếu nói vô thường đế thì lại nghi, khổ đế cũng nghi, vô ngã đế cũng nghi, chẳng qua là một lối vắn nạn thôi.

Lại nữa, nếu nói “Vô thường” đế không lỗi, “Không Va”ø “Phi Ngã” đế cũng không lỗi. Nếu gọi vô thường, khổ, không, vô ngã đế thì lời nói sẽ nặng nề nên trong bốn phép chỉ nói một.

Hỏi:

- Khổ có tướng gì khác mà đối với ba pháp kia riêng nó được nêu?

Đáp:

- Khổ là điều chán ngán của tất cả chúng sanh, là cái sợ hãi của chúng sanh. Vô thường không như thế. Hoặc có người bị khổ bức ngặt, suy nghĩ muốn được vô thường (chết) chứ không ai muốn bị khổ.

Hỏi:

- Có người cầm dao tự sát, dùng mũi nhọn đâm, uống thuốc độc, vào chỗ giặc..., các việc như vậy chẳng phải là tìm khổ sao?

Đáp:

- Chẳng phải họ muốn được khổ mà là muốn được vui, sợ cái khổ nên họ mới chọn cái chết. Khổ là họa đứng đầu, vui là cái lợi hạng nhất. Vì thế nên

lìa cái thật khổ mà được khoái lạc. Cho nên, trong phần quả, Phật chỉ gọi Khổ đế mà chẳng nói vô thường, không, vô ngã đế.

Hiểu rõ trí tuệ chân thật ở trong bốn đế, không nghi, không hối thì gọi là chánh kiến.

Vì tư duy việc này, mỗi mỗi tăng ích nên gọi là chánh giác.

Trừ tà mạng và nhiếp phục bốn thứ tà ngữ. Ngoài việc lìa bốn thứ tà ngữ, còn thu nhiếp bốn thứ chánh ngữ, trừ tà mạng thu nhiếp ba nghiệp của thân, trừ ba loại tà nghiệp thì gọi là chánh nghiệp.

Lìa các thứ tà mạng gọi là chánh mạng.

Khi quán như vậy thì tinh tấn là chánh phương tiện.

Nhớ nghĩ việc này không tán loạn gọi là chánh niệm.

Tư duy việc này không động gọi là chánh định.

Chánh kiến như vua có bảy sự tùy tùng, gọi là Đạo đế.

Đối với việc này mà nhất tâm tin thật, không lay động thì gọi là Tín căn.

Nhất tâm tinh cần cầu đạo, gọi là Tinh tấn căn.

Nhất tâm nhớ nghĩ không quên gọi là Niệm căn.

Tâm trụ một chỗ không dong ruổi lãng xăng gọi là Định căn.

Tư duy phân biệt, giác ngộ vô thường.v.v. gọi là Tuệ căn.

Căn này được sức lớn mạnh thì gọi là ngũ lực.

Hỏi:

- Trong Bát chánh đạo đều nói tuệ, niệm, định. Trong căn lực tại sao còn lập lại?

Đáp:

- Ban đầu nương vào sự hành trì mà được cái lợi nhỏ, lúc ấy gọi là căn. Khi năm việc ấy được sức lớn mạnh thì được gọi là lực. Mới vào trong vô lậu thấy Đạo đế thì công đức này gọi là Bát chánh đạo. Khi vào tư duy đạo thì gọi là Thất giác ý. Mới vào trong đạo, quán niệm thân, thống, tâm, pháp thì thường nhất tâm nhớ nghĩ, gọi là Tứ niệm chỉ. Như thế thì được vị của thiện pháp, bốn món tinh cần gọi là Tứ chánh cần.

Như vậy là cửa đầu tiên vào Dục, Tinh tấn, Định, Tuệ, chuyên cần tinh tấn cầu tự tại như ý gọi là tứ thần túc. Tuy gọi là tứ niệm chỉ, tứ chánh cần, tứ thần túc, ngũ căn... nhưng đều nhiếp lẫn nhau. Tùy theo khi thực hành trước sau, ít nhiều duyên theo địa, hạnh mà mỗi mỗi đều có tên. Ví như bốn đại thì mỗi mỗi đều có bốn đại, chỉ cái nào nhiều thì đặt tên cái ấy. Nếu chỗ địa chủng nhiều, thủy hỏa phong ít thì gọi là Địa đại. Thủy, hỏa, phong cũng như vậy.

Như vậy, trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo thì mỗi mỗi đều có các phẩm. Như trong tứ niệm chỉ thì có bốn chánh cần, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác, tám đạo... Như thế, quán mười hai phần, bốn đế, hành bốn niệm chỉ, bốn chánh cần, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám chánh đạo thì tâm an lạc. Lại dùng pháp này độ thoát chúng sanh. Nhất tâm thể nguyện tinh tấn cầu Phật đạo.

Khi ấy, trong tâm tư duy quán niệm: “Ta quán biết rõ ràng đạo này thì không nên thủ chứng. Do sức của hai việc nên chưa nhập Niết-bàn: Một là sức đại bi không bỏ chúng sanh, hai là sức biết sâu xa thật tướng các pháp, các tâm và tâm sở pháp từ nhân duyên sanh. Nay ta vì sao theo cái không thật này? Nên tự tư duy muốn quán sâu vào mười hai nhân duyên để biết nhân duyên là pháp gì?”.

Lại tư duy bốn loại duyên này: nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên, Năm nhân là nhân duyên để trừ tâm cuối cùng ở hiện tại và quá khứ của A-la-hán, còn tâm và tâm sở pháp của hiện tại và quá khứ là thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên, duyên tất cả pháp.

Lại tự tư duy: Nếu nói pháp có trước nhân duyên thì không nên nói pháp ấy là nhân duyên sanh. Nếu không có, cũng không nên nói từ trong nhân duyên sanh. Nửa có nửa không, cũng không nên nói nhân duyên sanh.

Tại sao có nhân duyên? - Nếu pháp chưa sanh, hoặc tâm và tâm sở pháp mất thì làm sao có thể tạo thành thứ đệ duyên.

Nếu diệt pháp trong Phật pháp không duyên thì Niết-bàn tại sao là duyên duyên?

Nếu các pháp thật sự là không tánh thì có pháp không thể đắc.

Nếu quả của nhân duyên sanh, nhân cái này mà có cái kia thì lời nói này tức không đúng.

Nếu trong nhân duyên mỗi cái riêng biệt, hoặc hợp lại một chỗ thì quả ấy không thể nắm bắt được.

Tại sao bên cạnh nhân duyên sanh ra quả?

- Vì trong nhân duyên không có quả. Nếu trong nhân duyên trước không có quả mà sanh quả thì đâu không phải phi nhân duyên sanh quả. Vì cả hai đều không phải nên quả thuộc nhân duyên bên nhân duyên sanh. Nhân duyên này không tự tại mà còn thuộc các nhân duyên khác. Quả này thuộc các nhân duyên, tại sao không tự tại? Vì nhân duyên hay sanh quả cho nên quả không từ nhân duyên mà có, cũng không từ phi nhân duyên mà có, tức chẳng có quả. Vì quả không có nên duyên cùng phi duyên cũng không có.

Hỏi:

- Phật nói mười hai nhân duyên: vô minh duyên các hành.... tại sao ông nói vô nhân quả?

Đáp:

- Trước đã nói đủ, không nên vấn nạn lại. Nếu vấn nạn thì sẽ đáp: Như Phật đã dạy, nhân do duyên sắc mà si sanh, nhớ nghĩ tà vạy. Si là vô minh. Trong đó vô

minh nương vào đâu để trụ? Nương vào mắt chẳng? Nương vào sắc chẳng? Nương vào thức chẳng?

Không thể nương vào mắt, vì nếu nương vào mắt thì phải thường si mê chứ không cần phải đợi gặp sắc mới si.

Còn nếu nương vào sắc thì không đợi có mắt, tức là si ở bên ngoài, đâu can dự đến ta?

Nếu nương nơi thức thì thức không hình sắc, không đối đãi, không xúc chạm, không có phân vị, không nơi chốn. Vô minh cũng vậy, thì làm sao có thể trụ. Cho nên vô minh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải hai bên, chẳng phải ở giữa, không từ đời trước mà đến, cũng không đi đến đời sau; chẳng phải từ Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn bên, trên dưới mà đến, không có thật pháp. Tánh vô minh là vậy, hiểu rõ vô minh thì trở thành minh. Suy tìm trong mỗi thứ si mê không thể có được thì sao có vô minh duyên hành?

Như hư không không sanh không diệt, không hiện hữu, không đoạn tận, tánh vốn thanh tịnh; vô minh cũng như thế, không sanh không diệt, không hiện hữu, không đoạn tận, tánh vốn thanh tịnh; cho đến sanh duyên lão tử cũng thế.

Bồ tát quán mười hai nhân duyên như vậy, biết chúng sanh hư dối bị ràng buộc trong họa khổ thì dễ có thể độ thoát. Các pháp nếu có thật tướng thì khó độ được, tư duy như thế tức phá ngu si.

Nếu tâm Bồ tát nhiều suy tư thì thường niệm A-na-ban-na: khi thở vào - ra đếm từ một đến mười, nhất tâm không cho dòng ruồi, tán loạn. Bồ tát từ pháp này mà được nhất tâm thì trừ được ngũ cái và hạnh dục.

Bồ tát thấy đạo nên hành ba loại nhẫn:

- Pháp sanh nhẫn
- Nhu thuận pháp nhẫn
- Vô sanh pháp nhẫn

Thế nào là Sanh nhẫn? - Tất cả chúng sanh, hoặc mắng, hoặc đánh, hoặc giết, đối với các việc ấy không những tâm ta không lay động, không sân, không hận, nhẫn chịu mà còn khởi từ bi: “Các chúng sanh này cầu các điều tốt đẹp thì nguyện cho họ đều được tất cả”. Tâm không buông bỏ thì khi ấy lần lượt hiểu được thật tướng các pháp.

Như hơi xông ướp, như mẹ hiền thương con đỏ, cho bú mớm, nuôi dưỡng, với mọi thứ bất tịnh không nhằm gồm mà càng thương hơn, muốn làm cho được vui vẻ; hành giả cũng như vậy, tất cả chúng sanh gây các việc ác là tịnh hay bất tịnh, tâm không tăng chán ghét, không thối, không chuyển.

Lại nữa, vô lượng chúng sanh trong mười phương, một mình ta cần phải độ thoát, khiến họ đều được Phật đạo. Tâm nhẫn không thối, không hối, không bỏ, không lười, không chán, không sợ, không thấy khó. Trong sanh nhẫn này nhất tâm buộc niệm, tư duy ba việc, không cho nghĩ khác, hễ nghĩ các duyên khác liền thu nhiếp trở về, gọi là Sanh nhẫn.

Thế nào là Nhu thuận pháp nhẫn? - Bồ tát đã đắc Sanh nhẫn thì công đức vô lượng, biết phước báo của công đức này vô thường. Khi ấy chán cái phước vô thường, tự cầu cái phước thường, cũng vì chúng sanh cầu pháp thường trụ. Tất cả các pháp sắc hay vô sắc, pháp có thể thấy hay không thể thấy, pháp hữu đối hay vô đối, pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, thượng trung hạ, tìm thật tướng của những pháp ấy.

Thế nào là thật tướng? - Chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải không vui, chẳng phải không, chẳng phải không không, chẳng phải hữu thân, chẳng phải vô thân. Vì sao vậy? - Vì chẳng phải thường nên do nhân duyên sanh, trước không nay có, đã có trở lại không, cho nên chẳng phải thường.

Tại sao chẳng phải vô thường? - Vì nghiệp báo không mất vậy. Vì nhận trần cảnh bên ngoài, vì sự lớn mạnh của nhân duyên nên chẳng phải vô thường.

Tại sao chẳng phải vui? - Vì trong đau khổ sanh ra cái tướng vui. Vì tánh của tất cả là vô thường, vì nương dục sanh nên chẳng phải vui.

Tại sao chẳng phải không vui? - Vì có thọ vui, vì dục nhiễm sanh, vì tìm vui không tiếc thân, nên chẳng phải không vui.

Tại sao chẳng phải không? - Vì nội ngoại nhập đều nhận biết rõ, vì có quả báo tội phước, vì tất cả chúng sanh đều tin nên chẳng phải không.

Tại sao chẳng phải không không? - Vì hòa hợp... sanh, vì phân biệt tìm không thể được, vì sức tâm chuyển nên chẳng phải không không.

Tại sao chẳng phải hữu thân? - Vì không tự tại, vì bảy thứ giới không thể đắc, vì tướng thân không thể đắc, nên chẳng phải hữu thân.

Tại sao chẳng phải vô thân? - Vì có đời sau, vì có đắc giải thoát, vì mỗi tâm của ta sanh khởi không thể tính nơi chốn, nên chẳng phải vô thân.

Như thế không sanh, không diệt, không phải không sanh, không phải không diệt, chẳng phải có, chẳng phải không, không thọ lãnh, không chấp trước, bất đường ngôn ngữ, dứt chỗ tâm hành, như tánh Niết-bàn là thật tướng của pháp. Ở trong pháp này, tín tâm thanh tịnh, không ngăn không ngại, hiểu nhuần nhuần, tin nhuần nhuần, tinh tấn nhuần nhuần thì gọi là Nhu thuận pháp nhẫn.

Thế nào là Vô sanh pháp nhẫn? - Như trong pháp thật tướng ở trên mà trí tuệ, tín và tấn tăng trưởng lợi căn thì gọi là Vô sanh pháp nhẫn.

Ví như trong pháp Thanh văn, noãn pháp, đảnh pháp, trí tuệ, tín và tinh tấn lớn mạnh thì đắc nhẫn pháp. Nhẫn là nhẫn Niết-bàn, nhẫn pháp vô lậu nên gọi là nhẫn. Vì mới được mới thấy nên gọi là nhẫn.

Pháp nhẫn cũng như vậy, bậc A-la-hán thời giải thoát thì không đắc được trí vô sanh, tăng tiến hơn nữa chuyển thành bất thời giải thoát thì mới đắc trí vô sanh.

Vô sanh pháp nhẫn cũng như vậy. Chưa đắc quả Bồ tát thì đắc Vô sanh pháp nhẫn, mà đắc đủ hạnh quả Bồ tát thì gọi là Đạo quả Bồ tát. Khi ấy đắc Ban chu tam muội, đối với chúng sanh được đại bi, vào cửa trí tuệ độ.

Bảy giờ chư Phật liền thọ ký, tùy ý sanh trong thế giới của Phật, được chư Phật nghĩ tưởng, tất cả trọng tội đều mỏng dần và diệt hết, dứt ba nẻo ác, thường sanh trong trời người, gọi là Bất thối chuyển, đến chỗ bất động, chấm dứt nhục thân.

Sau cùng thì nhập vào trong pháp thân, hay tạo các thứ biến hóa, độ thoát tất cả chúng sanh, đầy đủ sáu độ, cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sanh, làm tịnh cõi Phật, đứng trong hàng Thập địa công đức viên mãn, lần lượt đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là cửa đầu tiên trong pháp thiền của Bồ tát.

Khi hành giả định tâm cầu đạo

Thường nên quán sát thời, phương tiện

Nếu không được thời, không phương tiện

Ấy là bị mất, không có lợi

Như trâu chưa con, không sanh sữa

Vì sữa không thể có phi thời

Nếu trâu đã sanh, tìm trên sừng

Không thể được sữa, vì vô trí

Như dùi cây ướm để tìm lửa

Chẳng đúng thời nên không được lửa

Nếu chặt cây khô để tìm lửa

Không thể được lửa vì vô trí

Gặp chỗ biết thời, lượng hạnh mình

Quán tâm phương tiện, sức nhiều ít

Đáng nên tinh tấn và không nên

Tướng đạo hợp thời và không hợp

Tâm lay động chớ dụng công mạnh

Dụng công như thế không được định

Ví như củi nhiều, lửa cháy mạnh

Gió lớn thổi đến không thể tắt

Nếu hay dùng định tự điều tâm

Như thế động hết, tâm được định
Ví như lửa lớn gặp gió thổi
Nước lớn tưới xuống ắt phải tắt
Nếu người tâm yếu, lại lười biếng
Như thế lặn mất, không hiện hạnh
Như củi ít, lửa không có ngọn
Không gặp gió thổi liền tự tắt
Nếu có tinh tấn, tâm đồng mãnh
Như thế chuyên mạnh, mau được đạo
Ví như lửa nhỏ mà nhiều củi
Gặp gió thổi cháy mãi không tắt
Nếu hành phóng xả, đừng điều phục
Nếu lại xả bỏ mất pháp hộ
Như người bệnh nặng nên điều dưỡng
Nếu bỏ mặc thì không thể sống
Nếu có tướng xả tâm chánh đẳng
Hợp thời chuyên cần mau đắc đạo
Ví như người Nài cỡi lưng voi
Tùy ý đến đi không trở ngại
Nếu nhiều dâm dục tâm ái loạn

Khi ấy không nên hành pháp từ
Người dâm hành từ thêm mê muội
Như người bệnh lạnh uống thuốc mát
Người dâm tâm loạn quán bất tịnh
Quán kỹ bất tịnh, tâm được định
Hành pháp như thế mới thích hợp
Như người bệnh lạnh uống thuốc nóng
Nếu nhiều sân hận rối loạn tâm
Khi ấy không nên quán bất tịnh
Người sân quán ố, thêm tâm sân
Như người bệnh nóng uống thuốc nóng
Nếu người sân hận hành từ tâm
Hành từ không bỏ, sân tâm diệt
Hành pháp như vậy mới thích hợp
Như người bệnh nóng uống thuốc mát
Người nhiều ngu si, tâm mờ mịt
Không nên hành từ và bất tịnh
Hai pháp tăng si, không lợi ích
Như người bệnh phong uống thuốc bổ
Người tâm mờ mịt quán vô minh

Phân biệt quán rõ, tâm si diệt
Hành pháp như thế mới thích hợp
Như người bệnh phong dùng thuốc mỡ
Ví như thợ vàng quạt lò than
Dụng công phi thời, quạt sai pháp
Muốn quạt gấp gấp không biết thời
Hoặc khi nhúng nước, hoặc lấy ra
Vàng chảy, quạt mau thì chảy hết
Chưa chảy bèn dừng thì không chảy
Nhúng nước phi thời thì vàng sống
Phi thời dừng nghỉ vàng không chín
Tinh tấn nhiếp tâm và phóng xả
Phải nên xem xét pháp hành đạo
Phương tiện phi thời mất pháp lợi
Nếu không pháp lợi thì không lợi
Như thầy thuốc biết ba thứ bệnh
Bệnh lạnh, nóng, phong ất diệt trừ
Hợp bệnh cho thuốc, Phật cũng vậy
Bệnh dâm - nộ - si tùy thuốc trừ
KINH TỌA THIỀN TAM MUỘI

Hết quyền hạn (trọn bộ)
Hết